



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 11B Cát Linh, P. Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24) 3826 7984 Fax: (84-24) 3826 7983
Mã số doanh nghiệp: 0100101273 Website: www.haprogroup.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: 08h00 ngày 07 tháng 05 năm 2021

Địa điểm: Hội trường Tầng 16, Tòa nhà Hapro, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG
08h00 – 08h30	- Đón tiếp khách mời, đại biểu - Kiểm tra tư cách cổ đông, đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu
08h30 – 08h45	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. - Chào cờ, tuyên bố lý do tổ chức Đại hội và giới thiệu đại biểu tham dự.
08h45 – 08h55	- Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử. - Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội.
08h55 – 09h05	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
09h05 – 09h10	Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020
09h10 – 09h20	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020
09h20 – 09h30	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020
09h30 – 09h50	- Tờ trình thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021. - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020. - Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021. - Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty. - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty. - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT. - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của BKS. - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền (nếu có).
09h50 – 10h15	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội
10h15 – 10h30	Nghỉ giải lao
10h40 – 10h55	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
10h55 – 11h00	Tuyên bố bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021
của Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP

Tôi xin thay mặt Ban Tổng Giám đốc báo cáo với Quý vị cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP (“**Tổng công ty/Hapro**”) năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Thực hiện chỉ đạo của ĐHĐCĐ trong phiên đại hội thường niên năm 2020 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP tổ chức ngày 23/6/2020, Tổng công ty đã tích cực đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh với những ngành nghề cốt lõi là Xuất khẩu nông sản và thương mại nội địa. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid trên toàn thế giới, hoạt động kinh doanh xuất khẩu gần như đình trệ, doanh thu cho mảng này sụt giảm nghiêm trọng. Tổng công ty tiếp tục tập trung vào hoạt động thương mại trong nước và khai thác hạ tầng thương mại, vượt qua khó khăn, Hapro cũng đã đạt được những kết quả nhất định cho năm tài chính 2020 như sau:

II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2020:

TT	Các chỉ tiêu chính	Thực hiện Năm 2020	So sánh (%)	
			Kế hoạch	Cùng kỳ 2019
1	Kim ngạch XK (triệu USD)	25,21	84%	43,5%
2	Doanh thu BH&CCDV (tỷ đồng)	906	90,6%	51,3%
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	12,2	122%	8,99%
4	Tổng số lao động thời điểm 31/12/2020 (người)	436	84,47%	89,5%
5	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9,96	87,4%	94%

2. Đánh giá về các mảng hoạt động kinh doanh chính:

2.1. Về kinh doanh xuất khẩu:

Sau cổ phần hóa, Tổng công ty tiếp tục kiên định với mục tiêu mảng kinh doanh xuất khẩu là mảng then chốt trong hoạt động SXKD. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid trên toàn cầu nên kim ngạch Xuất khẩu của Tổng công ty trong năm 2020 sụt giảm

nghiêm trọng so với năm 2019, chính vì vậy mà kim ngạch xuất khẩu và kết quả kinh doanh mảng này và không đạt kế hoạch đề ra.

- **Kim ngạch XK:** Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của Công ty mẹ Tổng công ty chỉ đạt **25,21 triệu USD** với 16.676 tấn hàng hóa các loại tương ứng với gần 948 cont 20'. Các mặt hàng xuất khẩu chính gồm: hạt điều, hạt tiêu, gạo, cà phê, thực phẩm chế biến vẫn đóng vai trò chủ lực.

- **Thị trường xuất khẩu chính:** Hapro đã và đang khẳng định thương hiệu mạnh tại gần 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, tập trung tại một số khu vực như: Châu Âu, châu Mỹ, khu vực Trung Đông; Châu Phi, Đông Nam Á, Tây Á..., góp phần tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu.

Trong năm 2020, hoạt động xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm chế biến... của Hapro đã và đang có những thay đổi tích cực.

Với những sự nỗ lực không ngừng nghỉ, ngày 24/8/2020 vừa qua, Tổng công ty lần thứ 15 liên tiếp được Bộ Công thương vinh danh là doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2019 với tổng kim ngạch xuất khẩu 2019 đạt gần 100 triệu USD, TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu điều - TOP 15 doanh nghiệp xuất khẩu hạt tiêu - TOP 24 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam.

Đặc biệt, trước những tác động của đại dịch bệnh Covid-19; Ban Lãnh đạo Tổng công ty đã thống nhất triển khai các giải pháp để khắc phục khó khăn, đó là: nỗ lực nâng cao kim ngạch xuất khẩu, mở rộng thị trường, phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới, nâng hiệu quả lợi nhuận xuất khẩu và đảm bảo tuyệt đối an toàn nguồn vốn. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã linh động đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại qua hình thức giao thương trực tuyến với đối tác trong nước và ngoài nước để thúc đẩy kinh doanh đặc biệt là kinh doanh xuất khẩu.

2.2. Về kinh doanh và phát triển thị trường nội địa:

- Ngay từ những tháng đầu năm 2020, Tổng công ty đã tập trung xây dựng chương trình kinh doanh phục vụ Lễ Noel, Tết Dương lịch và Tết Nguyên Đán Tân Sửu 2021 một cách đồng bộ với các hoạt động kinh doanh đã được duy trì thực hiện qua nhiều năm đồng thời triển khai thêm một số hoạt động kinh doanh mới phù hợp với nhu cầu thị trường cũng như định hướng của Tổng công ty. Chương trình đã tận dụng được cơ hội thúc đẩy kinh doanh, góp phần phục vụ nhân dân đón Tết an toàn, lành mạnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, hàng hóa, cơ sở vật chất, tạo điều kiện quảng bá sản phẩm, hình ảnh thương hiệu của Tổng công ty, các công ty thành viên trong Tổng công ty.

* **Công tác dự trữ hàng hóa và tham gia bình ổn giá:** Năm 2020 mặc dù không có chương trình hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho chương trình Bình ổn giá, Tổng công ty vẫn chủ động đăng ký tham gia dự trữ hàng hóa bằng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp để dự trữ hàng hóa phục vụ công tác cứu trợ, bão lũ và phục vụ công tác bình ổn giá với tổng giá trị trên **860 tỷ đồng**.

**** Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh thương mại nội địa:***

- Tổng công ty tích cực tiến hành cơ cấu, căn chỉnh hệ thống hình ảnh và nhận diện các địa điểm bán lẻ Haprofood/BRGMart và đẩy mạnh công tác tái cơ cấu, đổi mới phương

thức quản lý đối với hoạt động của hệ thống mạng lưới kinh doanh thương mại nội địa. Năm 2020, Tổng công ty đã mở mới 54 cửa hàng Haprofood/BRGMart.

- Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, chuỗi siêu thị/cửa hàng thuộc chuỗi Haprofood/BRGMart đã chủ động triển khai hàng loạt hoạt động thể hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp kinh tế, thương mại lớn của Thủ đô trong việc đảm bảo an sinh xã hội và trách nhiệm với cộng đồng. Diễn hình như chương trình chung tay hỗ trợ nông dân tiêu thụ dưa hấu gặp khó khăn về đầu ra sản phẩm; kế hoạch dự trữ và chung tay cùng chính quyền các địa phương cung ứng đầy đủ các sản phẩm hàng hóa thiết yếu tới người dân với mức giá bình ổn; khẩn trương mở các điểm bán hàng lưu động bán các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ người dân khu vực bị cách ly...

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ MẶT CÔNG TÁC TRONG NĂM 2020:

1. Công tác đối ngoại, xúc tiến thương mại :

- Công tác phát triển thị trường trong nước:

+ Tiếp tục duy trì và phát triển mối quan hệ với các Hiệp hội, các tổ chức XTTM, các cơ quan báo chí, truyền thông, đối tác chiến lược, doanh nghiệp các tỉnh thành trong cả nước....;

+ Các đơn vị của Tổng công ty đã tích cực tham dự các Hội nghị xúc tiến thương mại; Hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa, nông sản thực phẩm... tại các quận huyện, tỉnh thành nhằm tìm kiếm nguồn hàng phục vụ hệ thống bán lẻ và xuất khẩu của Tổng công ty. Trong năm 2020, Tổng công ty đã tham gia khoảng 18 chương trình do các Bộ, Ban, Ngành tổ chức: Hội nghị xúc tiến, giới thiệu sản phẩm, kết nối cung – cầu được tổ chức tại Hà Nội và các Tỉnh như Bắc Giang, Hải Dương, Yên Bái và Hưng Yên.

+ Thông qua các mối quan hệ, Tổng công ty đã kết nối giới thiệu các nhà cung cấp sản phẩm thực phẩm, hàng tiêu dùng của VN cho hệ thống siêu thị và phân phối trong Tổng công ty. Năm 2020, Tổng công ty đã làm việc với khoảng 10 đối tác tại văn phòng Tổng công ty để tìm kiếm cơ hội hợp tác và tìm nguồn hàng chất lượng cao để phân phối như: VNPT Hà Nội; Công ty CP Vĩnh Hoàng chuyên cung cấp các sản phẩm thủy hải sản; Chi nhánh Kinh doanh Gạo chất lượng cao thuộc Công ty CP XNK Lương thực – thực phẩm Hà Nội; Công ty CP Đầu tư sản xuất Thương mại TPS; Công ty Hùng Cá, Công ty Gò Đàng,...

- Công tác phát triển thị trường nước ngoài:

+ Thường xuyên duy trì và phát triển các mối quan hệ tốt với các cơ quan, tổ chức XTTM trong nước và nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các cơ quan ĐSQ nước ngoài tại VN, các cơ quan đại diện VN tại nước ngoài.

+ Đầu năm 2020, khi chưa xuất hiện dịch covid, Tổng công ty đã tham gia một số Hội chợ, chương trình XTTM phục vụ xuất khẩu như: HC Gulfood Dubai tháng 2, HC hàng TCMN Spring UK tháng 2, chương trình khảo sát tại Nhật tháng 1.

+ Do dịch covid, một số hoạt động XTTM, Hội chợ triển lãm nước ngoài phải hủy tham dự như: HC alimentaria Tây Ban Nha tháng 4, Hội nghị hạt INC tại Dubai tháng 5, Sial Paris tháng 9... Thay vào đó, Tổng công ty đã tích cực tham dự các chương trình Hội nghị hội thảo, giao thương, triển lãm trực tuyến, tuy hiệu quả không bằng hình thức trực tiếp, tuy nhiên hoạt động này giúp duy trì việc quảng bá hình ảnh, thương hiệu, các mặt



hàng xuất khẩu thế mạnh của Tổng công ty, cập nhật thông tin, nhu cầu thị trường, thắt chặt mối quan hệ giữa Tổng công ty và các cơ quan ĐSQ, Thương vụ, các tổ chức XTTM trong nước và nước ngoài...như: Hội thảo với các DN Venezuela và phòng TM Venezuela – VN, Diễn đàn DN VN – Nam Phi, Giao thương trực tuyến DN Việt Nam – Italy, Việt Nam – Tây Ban Nha, VN – Israel, VN-Mexico, Hội nghị và giao thương với nước CH Udmurt, thuộc LB Nga, Hội thảo tìm hiểu thông tin về TT Bờ Biển Ngà...; Hội nghị về thực phẩm Halal do Bộ ngoại giao tổ chức, Diễn đàn kinh tế Á – Âu tận dụng hiệp định EVFTA do Bộ công thương tổ chức v.v; Tham dự triển lãm trực tuyến tại Algeria theo lời mời của Thương vụ VN tại Algeria: Triển lãm về các sản phẩm nông nghiệp (từ tháng 1-3/2021), triển lãm các sp gia vị (tháng 1-tháng 4/2020)

- Tổ chức thành công chương trình đón tiếp và làm việc với Đoàn đại sứ, TLS VN chuẩn bị đi nhận nhiệm vụ 2020-2023; Đón tiếp và làm việc với TTTM VN tại Houston, New York trước khi lên đường nhận nhiệm vụ.

- Đón tiếp và làm việc với 1 số ĐS, Tham tán NN tại VN đến làm việc tại Tổng công ty: ĐS Chile, ĐS Colombia, Tham tán Indonesia tại VN...; 1 số đoàn khách nước ngoài đến làm việc để tìm hiểu Tổng công ty và các cơ hội hợp tác XNK: Đoàn DN Belarus; Đoàn Hội đồng Doanh nghiệp thủy sản Na Uy...

- Gửi thư nhờ Đại sứ/Tham tán một số nước như: Pháp, Nhật Bản, Mỹ, Tây Ban Nha, Canada, Úc, ... giúp Tổng công ty tìm kiếm giới thiệu các nhà cung cấp mặt hàng thịt gà, lợn, bò, thủy hải sản, bánh kẹo, đồ uống... để cung cấp vào chuỗi hệ thống siêu thị BRG – Hapro, kết quả là đã giới thiệu được đối tác cung cấp táo, thịt bò Mỹ, cá hồi Na Uy cho BRG Retail ký kết hợp đồng nhập khẩu về VN.

3. Công tác quản trị thương hiệu và Marketing:

- Tổng công ty đã và đang tiếp tục xây dựng mô hình văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng; định hướng hành động theo tôn chỉ hành động của từng năm, phát huy giá trị thương hiệu BRG/Hapro là thương hiệu xuất khẩu quốc tế hàng đầu tại khu vực; thương hiệu bán lẻ uy tín nằm trong hệ sinh thái BRG.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong chuẩn hóa và nhận diện thương hiệu của Tổng công ty và của các công ty thành viên, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, theo định hướng chung của Tập đoàn.

- Tích cực đưa các ứng dụng hiện đại của công nghệ, internet, mạng xã hội vào hoạt động thương hiệu, truyền thông, marketing.

Các giải thưởng thương hiệu đã đạt được năm 2020 nâng tầm thương hiệu Hapro:

- 06 lần (tương đương 12 năm) liên tiếp đạt “Thương hiệu quốc gia”
- Được vinh danh “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – VNR500”
- Được công nhận là “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín”
- Tự hào được vinh danh “Top 10 Công ty uy tín ngành bán lẻ Việt Nam”
- Được bình chọn “Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích” đối với sản phẩm Gạo Đồng Vàng của chi nhánh Hapro Đồng Tháp và Kem chanh Bạc hà của Công ty CP Thủy Tạ

4. Công tác đầu tư và quản lý hạ tầng thương mại:

- Rà soát, phân loại, xây dựng phương án SXKD, hoàn thiện các thủ tục pháp lý gắn với từng địa điểm; đồng thời nghiên cứu và đề xuất phương án xử lý, khai thác mới đối với các địa điểm khai thác chưa có hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư một số dự án của Tổng công ty đồng thời rà soát lại một số các dự án dở dang để xây dựng phương án tiếp tục đầu tư sau cổ phần hóa Tổng công ty.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2021:

1. Đánh giá và nhận định tình hình của Tổng công ty cổ phần năm 2021:

Năm 2021, Công ty mẹ - Tổng công ty sẽ cần tập trung toàn lực vào việc phát triển sản xuất kinh doanh, lấy mục tiêu lợi nhuận làm trọng tâm. Do đó, các đơn vị phải xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị, khai thác tối đa tiềm năng để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Những nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

2.1. Giao kế hoạch Ngân sách, kế hoạch SXKD năm 2020 theo phương thức xây dựng kế hoạch một cách chi tiết, cho từng bộ phận, từng đơn vị, từng địa điểm kinh doanh, từng ngành hàng hoặc lĩnh vực kinh doanh cụ thể và năm 2020 kết quả KD chung của toàn Tổng công ty có sự bứt phá với trọng tâm là chỉ tiêu lợi nhuận.

2.2. Thực hiện triệt để, kiên quyết các chỉ thị, định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

2.3. Thúc đẩy các hoạt động kinh doanh thương mại nội địa:

- Tiếp tục xây dựng và triển khai phương án đổi mới hoạt động kinh doanh thương mại bán lẻ, thực hiện tái cơ cấu hệ thống. Căn chỉnh hệ thống hình ảnh và nhận diện các địa điểm bán lẻ của Tổng công ty, quan tâm đến việc phát triển mảng kinh doanh online.

- Tập trung triển khai kinh doanh dịp Lễ Noel, Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022: đối với các đơn vị kinh doanh thương mại nội địa xây dựng kế hoạch chi tiết về bộ sản phẩm phục vụ, kế hoạch doanh thu và phương án triển khai các chương trình Marketing, khuyến mại quảng bá thương hiệu... nhằm tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh.

2.4. Tăng cường và thúc đẩy xuất khẩu:

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp để tạo sự bứt phá mạnh mẽ cho mảng kinh doanh xuất khẩu: nâng cao kim ngạch xuất khẩu, mở rộng thị trường, phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới, nâng hiệu quả lợi nhuận xuất khẩu và đảm bảo tuyệt đối an toàn nguồn vốn.

- Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình XTTM với đối tác trong nước và ngoài nước để thúc đẩy kinh doanh đặc biệt là kinh doanh xuất khẩu.

2.5. Rà soát đề trình Hội đồng quản trị thông qua phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty.

2.6. Làm tốt công tác quản lý mạng lưới hạ tầng thương mại để nâng cao hiệu quả khai thác cho Tổng công ty

2.7. Tận thu các nguồn lực tài chính nhằm nâng hiệu quả cho Tổng công ty;

3. Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021:

- Doanh thu BH&CCDV : 1.109,68 tỷ đồng

- Kim ngạch XK : 33,2 triệu USD

- Lợi nhuận trước thuế : 38,45 tỷ đồng.

Do ảnh hưởng của tình hình đại dịch covid -19 với diễn biến phức tạp, Ban Điều hành chưa định lượng được hết những yếu tố ảnh hưởng, vì vậy kế hoạch SXKD có thể được tính toán lại để điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến SXKD của Tổng Công ty. Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP kính báo cáo và xin ý kiến tham gia đóng góp của Quý vị cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Sơn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

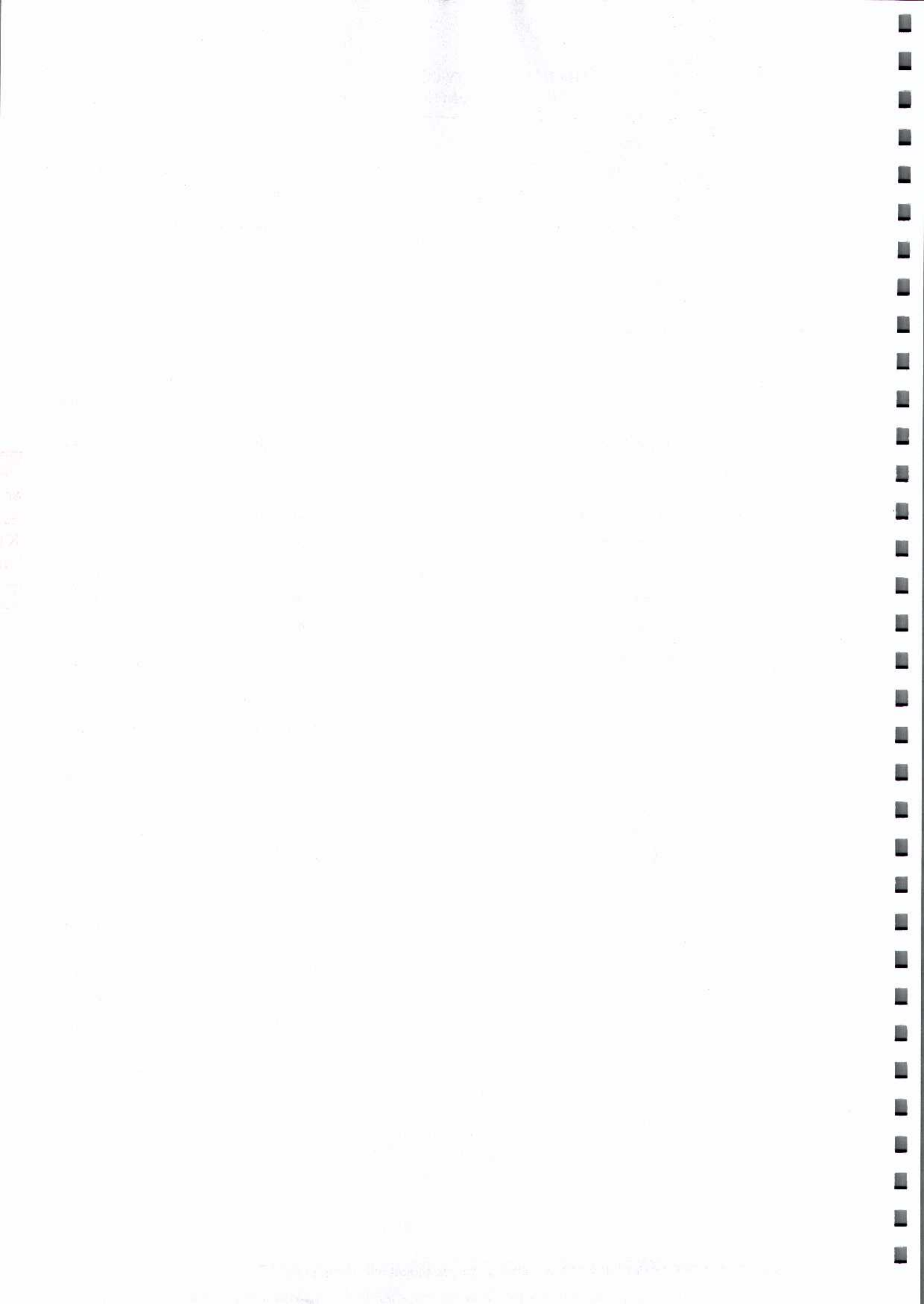
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.148.707.175.458	1.472.265.831.551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.698.280.983	110.308.729.126
1. Tiền	111		15.230.263.773	80.308.729.126
2. Các khoản tương đương tiền	112		468.017.210	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		151.000.000.000	184.789.794.464
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.13	151.000.000.000	184.789.794.464
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		915.950.730.519	1.084.736.256.932
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	268.038.485.823	458.377.263.468
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	364.194.838.876	399.170.974.189
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	183.674.226.362	137.964.551.467
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	102.054.791.237	90.189.303.397
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.7	(2.011.611.779)	(965.835.589)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	38.896.654.092	64.136.906.494
1. Hàng tồn kho	141		38.896.654.092	64.136.906.494
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.161.509.864	28.294.144.535
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	14.007.433.245	14.367.076.201
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.585.319.341	13.357.753.193
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	568.757.278	569.315.141
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.854.074.331.789	1.842.769.065.155
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.291.321.511	14.627.050.944
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	9.159.494.646	13.461.254.525
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.131.826.865	1.165.796.419



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**Mẫu số B 01 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
II. Tài sản cố định	220		550.928.468.672	563.266.915.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	504.052.549.870	516.080.311.168
- Nguyên giá	222		700.261.759.658	690.404.949.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(196.209.209.788)	(174.324.637.884)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	46.875.918.802	47.186.603.872
- Nguyên giá	228		49.097.296.011	48.986.496.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.221.377.209)	(1.799.892.139)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	109.201.754.263	112.875.589.795
- Nguyên giá	231		131.527.016.822	131.527.016.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.325.262.559)	(18.651.427.027)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		708.863.781.383	672.277.338.199
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.12	462.822.951.772	452.101.769.134
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	246.040.829.611	220.175.569.065
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	335.883.400.358	359.847.272.303
1. Đầu tư vào công ty con	251		84.381.039.765	62.896.039.765
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		190.803.200.668	229.530.842.065
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.003.697.104	72.724.927.652
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.304.537.179)	(5.304.537.179)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		138.905.605.602	119.874.898.874
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	138.905.605.602	119.874.898.874
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.002.781.507.247	3.315.034.896.706

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		718.171.726.529	995.648.896.711
I. Nợ ngắn hạn	310		261.110.955.974	833.690.533.157
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	16.747.811.536	49.767.528.689
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	7.674.299.509	7.126.584.458
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.266.064.464	23.340.432.510
4. Phải trả người lao động	314		4.121.493.718	7.718.653.206
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	6.333.095.822	6.173.256.564
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.513.587.641	5.473.849.573
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	57.030.478.728	61.655.034.790
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	159.587.334.949	656.370.332.625
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.836.789.607	16.064.860.742
II. Nợ dài hạn	330		457.060.770.555	161.958.363.554
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.15	56.067.446.523	79.115.495.443
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	61.453.839.705	68.073.507.532
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	10.899.050.287	14.769.360.579
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	328.640.434.040	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.284.609.780.718	2.319.385.999.995
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	2.284.609.780.718	2.319.385.999.995
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		71.428.267	71.428.267
3. Cổ phiếu quỹ	415		(529.920.000)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.381.940.928	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		51.686.331.523	119.314.571.728
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		39.707.168.071	8.041.435.300
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.979.163.452	111.273.136.428
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.002.781.507.247	3.315.034.896.706

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

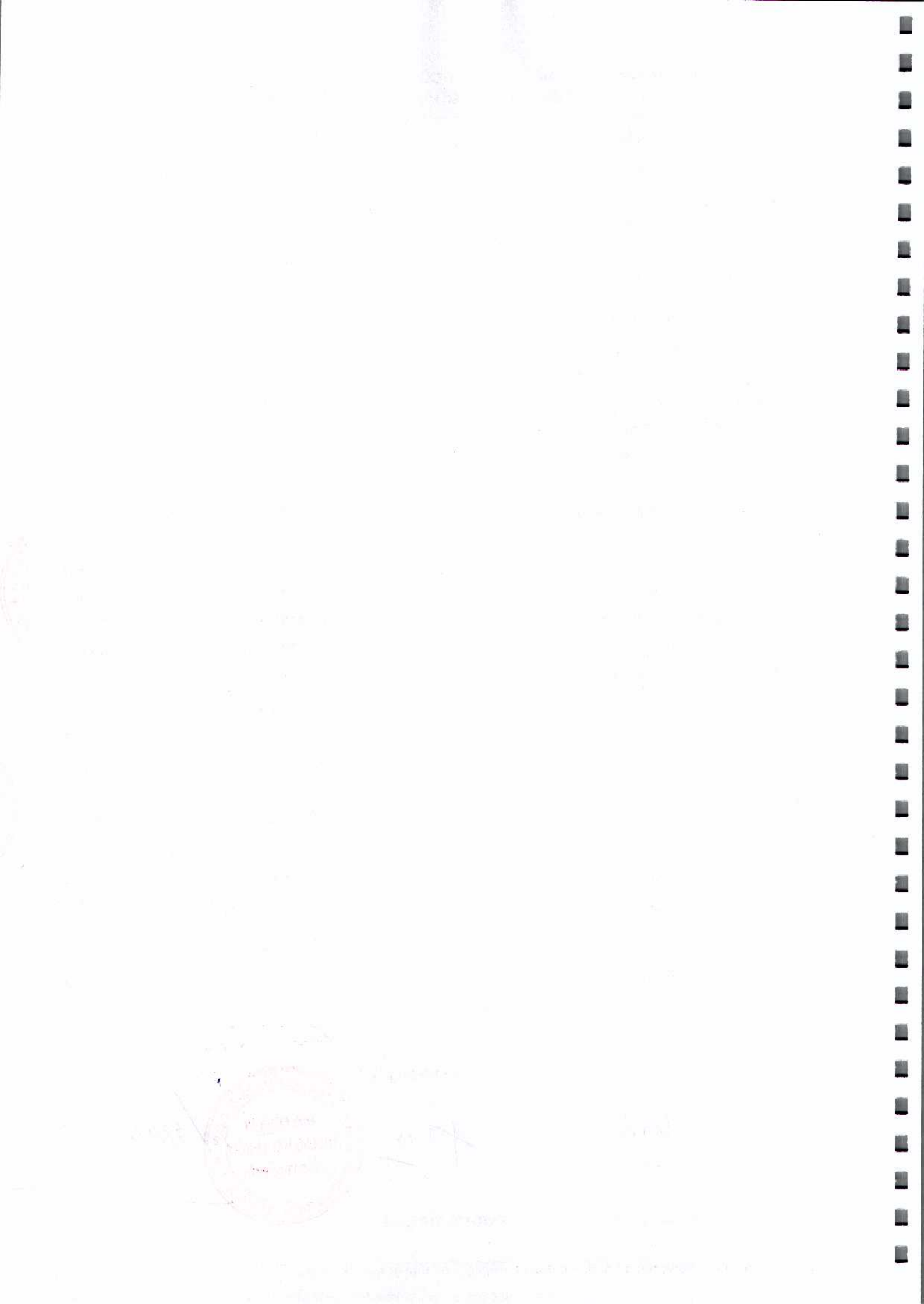





NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mẫu số B 02 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	906.072.189.118	1.765.596.341.768
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	6.468.189.548	13.276.725.601
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		899.603.999.570	1.752.319.616.167
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	784.011.345.105	1.546.489.503.137
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		115.592.654.465	205.830.113.030
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	87.478.073.269	182.940.906.007
7. Chi phí tài chính	22	6.5	52.815.187.729	65.106.025.608
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.748.187.328	51.380.630.284
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	52.777.160.932	99.334.155.667
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	88.407.746.928	96.688.643.515
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.070.632.145	127.642.194.247
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.437.517.180	8.847.904.716
12. Chi phí khác	32	6.7	283.308.281	813.437.963
13. Lợi nhuận khác	40		3.154.208.899	8.034.466.753
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.224.841.044	135.676.661.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	245.677.592	24.403.524.572
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.979.163.452	111.273.136.428

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



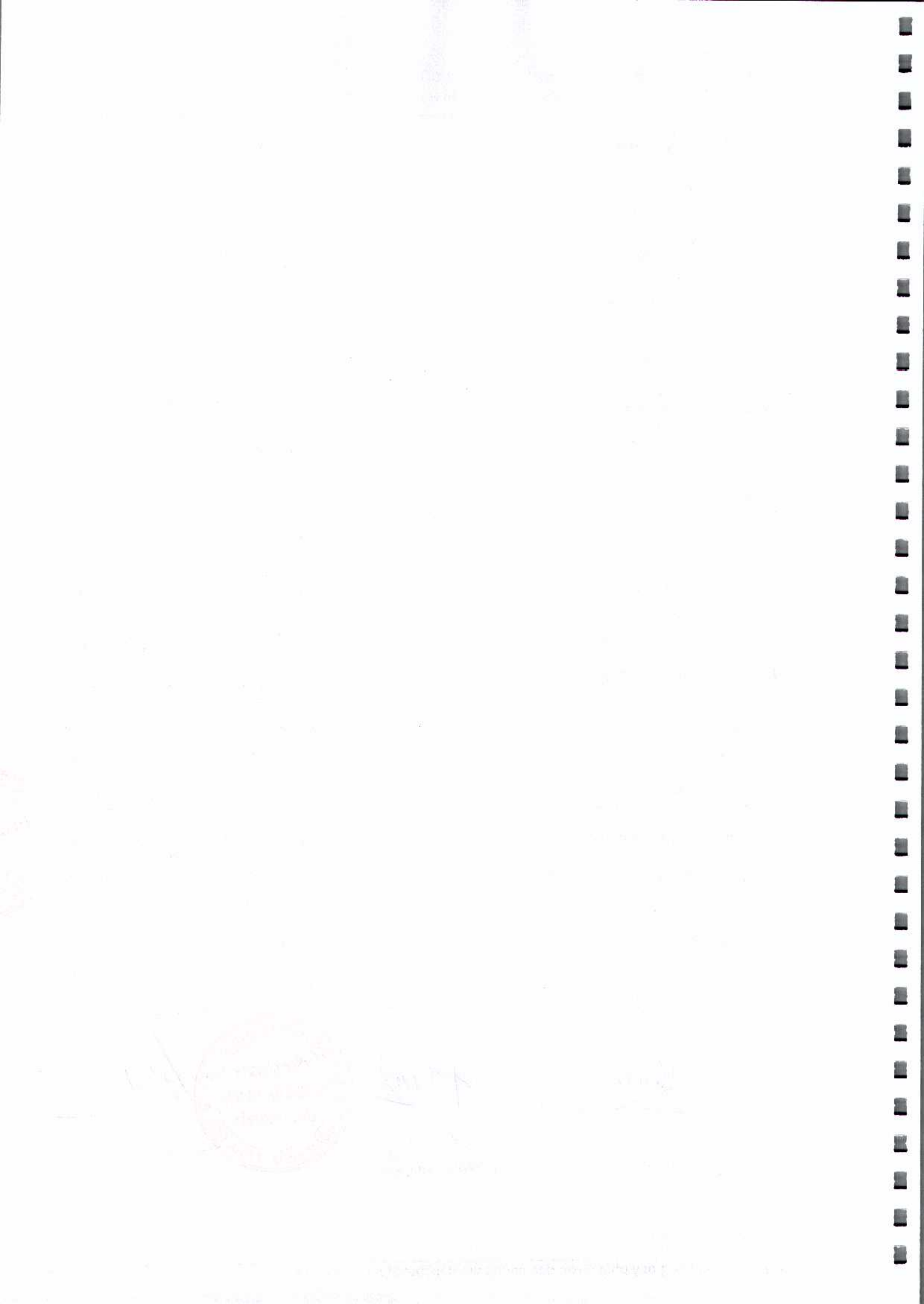
NGUYỄN THU HẰNG



DƯƠNG THỊ LAM




VŨ THANH SƠN



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

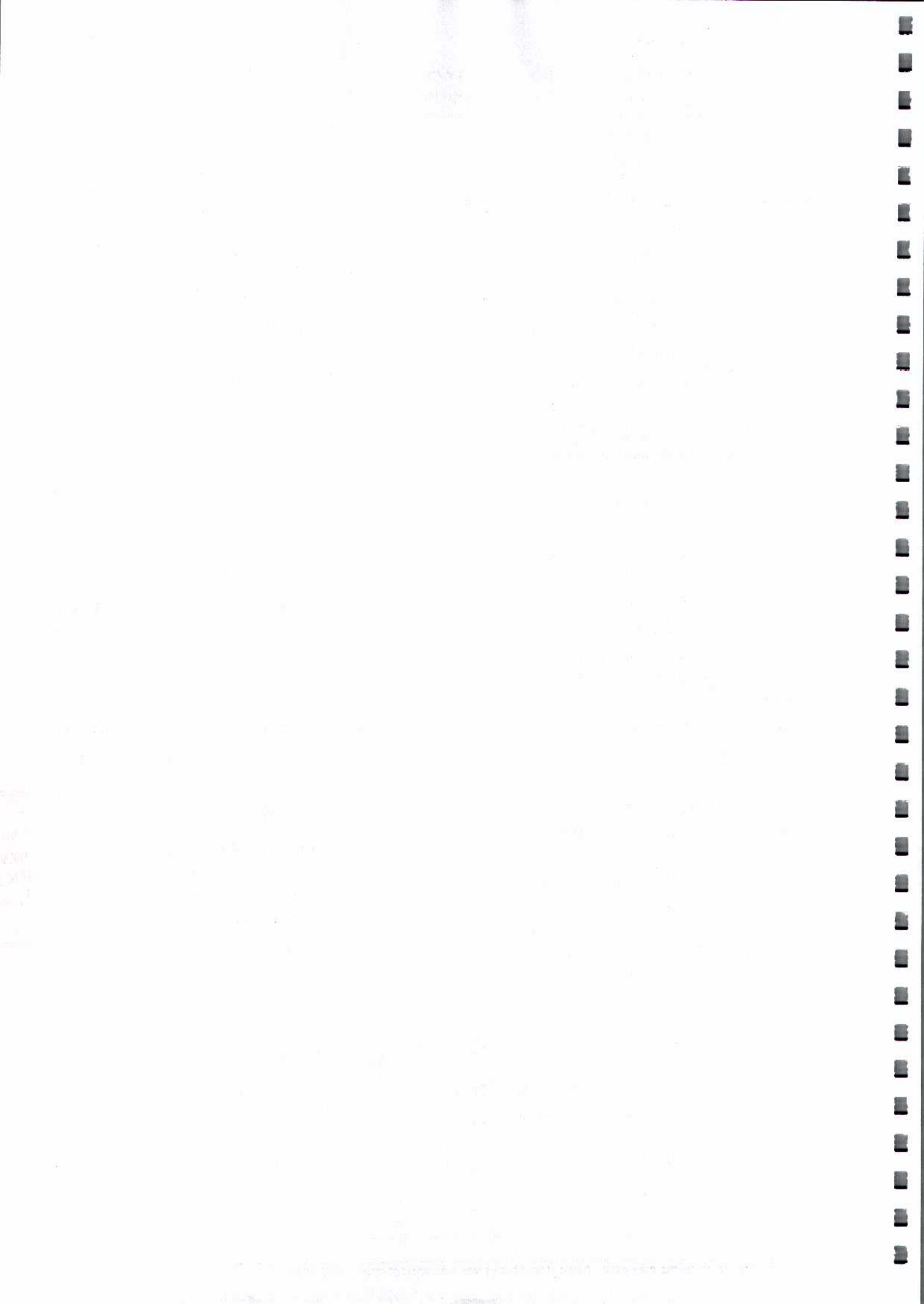
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**Mẫu số B 03 – DN**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.224.841.044	135.676.661.000
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		26.394.483.842	26.856.044.537
- Các khoản dự phòng	03		1.045.776.190	6.292.744.484
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		583.375.885	(580.216.094)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(80.264.751.363)	(174.278.382.307)
- Chi phí lãi vay	06		45.748.187.328	51.380.630.284
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.731.912.926	45.347.481.904
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		113.431.323.422	122.534.878.001
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.519.069.764	47.842.115.001
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(75.528.516.968)	(190.448.466.696)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(18.671.063.772)	(40.455.168.094)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(43.004.544.411)	(51.141.447.444)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.876.104.853)	(2.203.357.304)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.586.535.188)	(841.884.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(42.984.459.080)	(69.365.849.283)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.783.614.258)	(27.254.920.925)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.058.002.829
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(508.684.957.549)	(322.122.208.658)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		496.765.077.118	377.125.500.653
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.185.000.000)	(8.349.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		199.207.346.334	186.992.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.972.974.728	56.285.479.464
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		161.291.826.373	263.735.453.363



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

Theo phương pháp gián tiếp

Mẫu số B 03 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(529.920.000)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.333.064.411.547	2.413.133.232.692
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.501.607.464.933)	(2.689.260.721.810)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.975.048.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(213.048.022.186)	(276.127.489.118)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(94.740.654.893)	(81.757.885.038)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		110.308.729.126	191.371.870.735
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		130.206.750	694.743.429
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		15.698.280.983	110.308.729.126

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



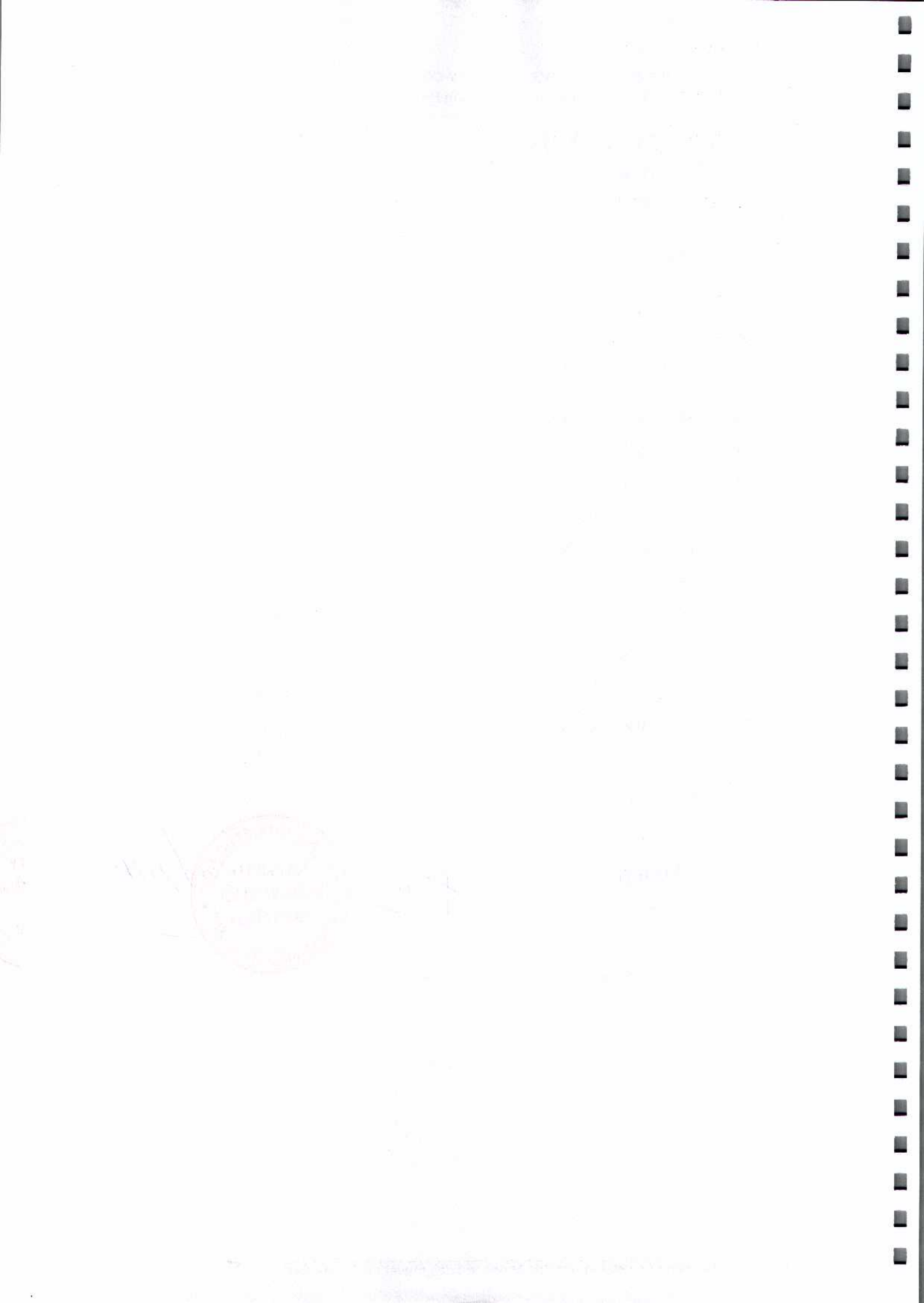
NGUYỄN THU HẰNG



DƯƠNG THỊ LAM




VŨ THANH SƠN



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

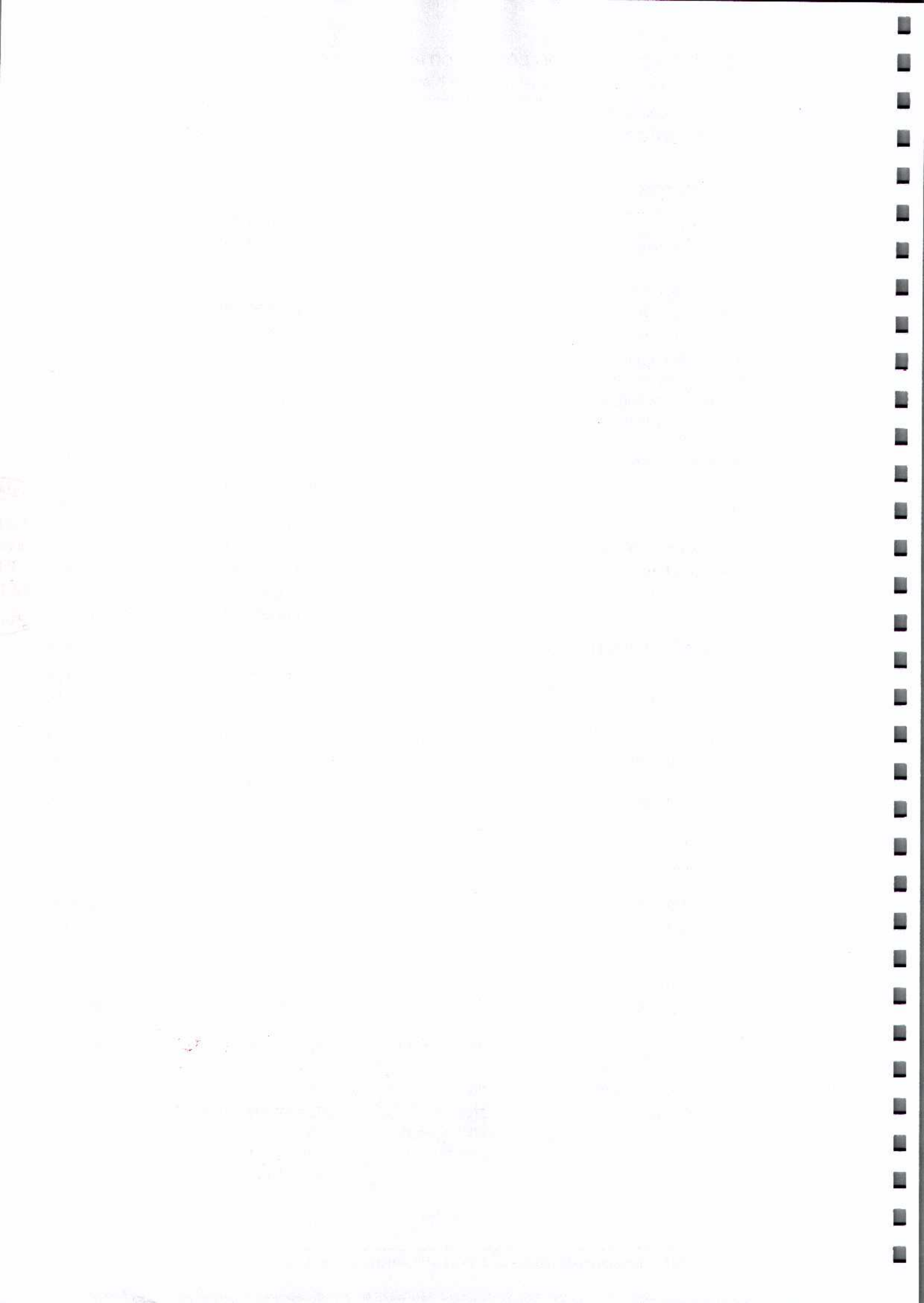
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.156.009.326.901	1.479.356.288.854
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17.832.797.445	111.600.373.229
1. Tiền	111		17.364.780.235	81.600.373.229
2. Các khoản tương đương tiền	112		468.017.210	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.14	151.000.000.000	185.089.794.464
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		151.000.000.000	185.089.794.464
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		905.308.638.726	1.074.347.172.045
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	247.718.502.444	440.230.606.130
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	366.055.425.266	399.801.246.854
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	180.655.622.067	136.164.551.467
4. Các khoản phải thu khác	136	5.7	107.094.456.588	92.597.231.659
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.5	(2.725.549.276)	(965.835.589)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.8	6.510.181.637	6.519.371.524
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	46.455.204.791	72.075.062.154
1. Hàng tồn kho	141		46.992.677.619	72.612.534.982
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(537.472.828)	(537.472.828)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.412.685.939	36.243.886.962
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	19.703.985.143	20.009.139.697
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.118.163.752	15.652.553.809
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.19	590.537.044	582.193.456
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.907.126.247.991	1.911.214.270.427
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.482.521.511	15.517.450.944
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	9.255.830.028	13.557.589.907
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	2.323.026.865	2.056.196.419
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.5	(96.335.382)	(96.335.382)
II. Tài sản cố định	220		564.610.854.451	576.155.458.307
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	517.512.432.178	528.734.371.800
- Nguyên giá	222		733.825.594.120	717.272.354.440
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(216.313.161.942)	(188.537.982.640)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	47.098.422.273	47.421.086.507
- Nguyên giá	228		49.827.523.114	49.716.723.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.729.100.841)	(2.295.636.607)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	109.201.754.263	112.875.589.795
- Nguyên giá	231		131.527.016.822	131.527.016.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.325.262.559)	(18.651.427.027)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		709.705.915.450	673.119.472.266
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	5.10	462.822.951.772	452.101.769.134
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	246.882.963.678	221.017.703.132
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	239.168.186.147	290.463.049.795
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		172.864.489.043	217.438.122.143
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.303.697.104	73.024.927.652
VI. Tài sản dài hạn khác	260		272.957.016.169	243.083.249.320
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	258.403.080.577	243.083.249.320
2. Lợi thế thương mại	269		14.553.935.592	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.063.135.574.892	3.390.570.559.281



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		783.296.988.951	1.066.695.589.834
I. Nợ ngắn hạn	310		319.279.463.088	892.621.353.201
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	40.459.033.232	76.162.094.165
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	9.597.236.559	9.050.737.095
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.19	2.265.039.162	24.036.785.863
4. Phải trả người lao động	314		5.341.738.500	9.121.520.293
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	6.333.095.822	6.173.256.564
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	6.743.287.641	5.673.849.573
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	63.669.831.533	68.025.200.242
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	182.572.235.705	678.302.044.660
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	396.524.003	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.901.440.931	16.075.864.746
II. Nợ dài hạn	330		464.017.525.863	174.074.236.633
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.16	56.067.446.523	79.115.495.443
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	61.453.839.705	68.073.507.532
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	10.971.050.287	15.188.860.579
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	334.427.278.502	10.635.465.643
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.19	1.097.910.846	1.060.907.436
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.279.838.585.941	2.323.874.969.447
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.22	2.279.838.585.941	2.323.874.969.447
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		315.664.802	315.664.802
3. Cổ phiếu quỹ	415		(529.920.000)	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		16.834.960.235	16.834.960.235
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.437.085.252	24.405.441
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.572.162	46.048.002
7. Lợi nhuận chưa phân phối	421		10.537.593.042	89.364.049.226
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.961.280.487	(24.621.283.216)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.576.312.555	113.985.332.442
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.215.630.448	17.289.841.741
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.063.135.574.892	3.390.570.559.281

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN



107

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02 – DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	946.942.374.702	2.275.283.696.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	6.468.189.548	35.181.730.877
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		940.474.185.154	2.240.101.965.850
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	817.401.412.947	1.907.841.615.292
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.072.772.207	332.260.350.558
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	89.051.687.983	199.561.670.353
7. Chi phí tài chính	22	6.5	53.937.098.922	76.251.571.778
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.837.579.161	53.244.569.132
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(6.891.765.530)	(3.230.158.540)
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	61.506.324.973	165.300.491.855
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	93.921.109.767	148.763.850.288
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.131.839.002)	138.275.948.450
12. Thu nhập khác	31	6.6	5.735.981.083	13.570.381.691
13. Chi phí khác	32	6.7	1.357.456.055	1.750.589.231
14. Lợi nhuận khác	40		4.378.525.028	11.819.792.460
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		246.686.026	150.095.740.910
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	260.222.108	28.830.945.364
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	37.003.411	1.060.907.436
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(50.539.493)	120.203.888.110
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.181.974.071	113.985.332.442
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.232.513.564)	6.218.555.668
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	9,92	546,38
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	9,92	546,38

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THU HẰNG



DƯƠNG THỊ LAM





VŨ THANH SƠN



14

15

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B 03 – DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		246.686.026	150.095.740.910
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		27.984.737.626	28.148.013.886
- Các khoản dự phòng	03		1.701.997.787	765.623.452
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		588.120.260	(580.216.094)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(73.521.193.861)	(114.486.995.057)
- Chi phí lãi vay	06		46.837.579.161	53.244.569.132
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(1.401.026.599)	(4.167.837.306)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.436.900.400	113.018.898.923
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		114.514.958.992	108.684.717.162
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.160.836.704	127.861.641.740
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(77.729.721.619)	(417.999.467.655)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(14.983.193.378)	23.919.241.239
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(44.093.936.244)	(53.244.569.132)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.903.862.374)	(2.282.005.529)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.586.535.188)	(1.917.811.444)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40.184.552.707)	(101.959.354.696)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.783.614.259)	(27.309.920.925)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.080.374.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(507.466.353.254)	(322.122.208.658)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		497.065.077.118	377.125.500.653
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.724.687.364)	(8.349.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		198.161.572.508	186.992.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.121.182.756	57.859.835.349
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		168.373.177.505	265.277.180.964

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 03 – DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(529.920.000)	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.376.445.366.688	2.448.395.633.654
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.554.038.721.000)	(2.725.573.425.450)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.975.048.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(222.098.323.112)	(277.177.791.796)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(93.909.698.314)	(113.859.965.528)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		111.600.373.229	224.765.595.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		142.122.530	694.743.429
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		17.832.797.445	111.600.373.229

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN



BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng Kế hoạch hoạt động năm 2021

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần (“**Hapro/Tổng Công ty/TCT**”) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) về kết quả hoạt động của **HĐQT** năm 2020 và định hướng kế hoạch hoạt động của **HĐQT** năm 2021, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên **HĐQT** đối với bà Nguyễn Thị Nga và bầu bổ sung bà Khúc Thị Quỳnh Lâm là thành viên **HĐQT** Tổng Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 kể từ ngày 23/6/2020. Thành viên **HĐQT** của Tổng Công ty hiện nay gồm 05 thành viên:

1. Ông Nguyễn Thái Dũng : Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Trần Anh Tuấn : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Bà Trần Thị Tuyết Nhung : Thành viên Hội đồng quản trị
4. Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm : Thành viên Hội đồng quản trị
5. Ông Vũ Thanh Sơn : Thành viên Hội đồng quản trị

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA **HĐQT NĂM 2020**

1. Báo cáo đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

Trong năm 2020, Ban điều hành Tổng Công ty đã nỗ lực, quyết tâm thực hiện các định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

1.1 Đối với hoạt động kinh doanh xuất khẩu:

Xuất khẩu là mảng chủ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên năm 2020, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid nên kim ngạch Xuất khẩu của TCT có sự suy giảm nhiều so với năm 2019 và không đạt kế hoạch đề ra.

- **Kim ngạch xuất khẩu:** Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của Công ty mẹ TCT đạt **25,21 triệu USD** với 16.676 tấn hàng hóa các loại tương ứng với gần 948 cont 20'. Năm mặt hàng xuất khẩu chính gồm: hạt điều, hạt tiêu, gạo, cà phê, thực phẩm chế biến vẫn đóng vai trò chủ lực.

- **Thị trường xuất khẩu chính:** Hapro đã và đang khẳng định thương hiệu mạnh tại gần 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, tập trung tại một số khu vực như: Châu Âu, châu Mỹ, khu vực Trung Đông; Châu Phi, Đông Nam Á, Tây Á..., góp phần tăng

trường kim ngạch xuất khẩu. Hoạt động xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm chế biến... của Hapro đã và đang có những thay đổi tích cực.

Với những sự nỗ lực không ngừng nghỉ, ngày 24/8/2020, Tổng Công ty lần thứ 15 liên tiếp được Bộ Công thương vinh danh là doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2019 với tổng kim ngạch xuất khẩu 2019 đạt gần 100 triệu USD, TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu điều - TOP 15 doanh nghiệp xuất khẩu hạt tiêu - TOP 24 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam.

Đặc biệt, trước những tác động của đại dịch Covid-19; HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành Tổng Công ty triển khai các giải pháp để khắc phục khó khăn, cụ thể: nỗ lực nâng cao kim ngạch xuất khẩu, mở rộng thị trường, phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới, nâng hiệu quả lợi nhuận xuất khẩu và đảm bảo tuyệt đối an toàn nguồn vốn. Bên cạnh đó, linh động đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại qua hình thức giao thương trực tuyến với đối tác trong nước và ngoài nước để thúc đẩy kinh doanh đặc biệt là kinh doanh xuất khẩu.

1.2. Đối với hoạt động kinh doanh và phát triển thị trường nội địa:

Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc triển khai thúc đẩy phát triển kinh doanh nội địa và tiếp tục các hoạt động xúc tiến thương mại nội địa, tham gia Chương trình bình ổn giá trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh phục vụ Tết Tân Sửu năm 2021, tham gia bán hàng bình ổn giá, triển khai bán hàng theo mô hình gian hàng Tết ngoài trời, tham gia chợ Tết sum vầy do Liên đoàn Lao động tổ chức.

- Rà soát, đánh giá hoạt động của mạng lưới kinh doanh bán lẻ để tìm biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh tại các địa điểm bán lẻ do Tổng công ty quản lý.

- Chỉ đạo TCT tiếp tục tích cực tham gia các hoạt động kết nối cung cầu hàng hóa do Bộ Nông nghiệp, Bộ Công thương và Sở Công thương các tỉnh Thành phố triển khai để hỗ trợ đầu ra cho các sản phẩm nông sản của các tỉnh Thành; tham gia các chương trình XTTM, liên kết giữa các địa phương, vùng miền; chủ động phát triển mối liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm để khai thác nguồn hàng kinh doanh. Thông qua các mối quan hệ của TCT đã kết nối giới thiệu các nhà cung cấp sản phẩm thực phẩm, hàng tiêu dùng của VN cho hệ thống siêu thị và phân phối trong TCT.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tái cơ cấu, đổi mới phương thức quản lý đối với hoạt động của hệ thống mạng lưới kinh doanh thương mại nội địa. Tiến hành cơ cấu, sắp xếp lại và chuẩn hóa chuỗi Siêu thị, cửa hàng tiện ích mang thương hiệu Hapromart, mở rộng hệ thống các cửa hàng tiện ích, siêu thị, cửa hàng chuyên doanh mang thương hiệu Haprofood/BRGMart, BRGMart, BRGIntershop...

1.3. Đối với công tác đầu tư và quản lý mạng lưới hạ tầng thương mại:

- Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch covid – 19 nên hoạt động khai thác mạng lưới địa điểm của Công Ty gặp nhiều khó khăn, nhiều đối tác đề nghị giảm giá đã ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty.

Vì vậy, năm 2020, Tổng Công ty tập trung quy hoạch lại toàn bộ hệ thống mạng lưới địa điểm của Tổng công ty để phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế nhằm nâng cao hiệu quả khai thác mạng lưới cho Tổng Công ty.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư một số dự án đầu tư đang dở dang, đồng thời tiến hành lập dự án đầu tư, thực hiện chuẩn bị đầu tư đối với một số dự án để khai thác tối đa tiềm năng thương mại của địa điểm và mang lại hiệu quả cao nhất cho Tổng Công ty.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ so với KH năm 2020	Tỷ lệ so cùng kỳ 2019
1	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	30	25,21	84%	43,5%
2	Doanh thu BH & CCDV (tỷ đồng)	1.000	906	90,6%	51,3%
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	10	12,2	122%	8,99%
4	Tổng số lao động (người)	515	436	84,47%	89,5%
5	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	11,4	9,96	87,4%	94%

3. Các hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty:

- HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. HĐQT đã tiến hành họp định kỳ hoặc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản theo đúng quy định điều lệ, họp bất thường theo yêu cầu xử lý công việc để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều được tiến hành đúng thủ tục. Việc thảo luận, biểu quyết được thực hiện phù hợp với quy định theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. HĐQT thực hiện công tác chỉ đạo các hoạt động của Tổng Công

ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết và Quyết định. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều sát với tình hình thực tiễn của Tổng Công ty.

- Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT là người chủ trì, các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp đầy đủ. Các phiên họp HĐQT mở rộng đều có sự tham dự của Ban điều hành và các cán bộ chủ chốt trong Tổng Công ty. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên với các nội dung chính như sau:

- Bầu ông Nguyễn Thái Dũng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 18/02/2020.
- Triệu tập và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Ban hành các quy trình, quy định liên quan đến công tác xuất nhập khẩu để phù hợp với tình hình thực tế.
- Bổ nhiệm nhân sự cấp cao của Tổng Công ty: bổ nhiệm ông Lê Anh Tuấn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty kể từ ngày 03/8/2020.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. Trên cơ sở đánh giá năng lực và kinh nghiệm kiểm toán của các công ty kiểm toán và sau khi có ý kiến đề xuất của Ban kiểm soát, HĐQT quyết định lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng Công ty.
- Thông qua việc thay đổi nhân sự đại diện vốn của Tổng Công ty tại một số công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Thông qua việc cơ cấu lại các khoản đầu tư tại các công ty liên kết và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

- Để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền cũng như chỉ đạo Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong việc xử lý các công việc quan trọng của Tổng Công ty. HĐQT luôn tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm soát tại Tổng công ty, nêu ý kiến trực tiếp đối với các vấn đề có liên quan và hỗ trợ tích cực Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý điều hành, nỗ lực hoàn thành mục tiêu chung của Tổng công ty, tạo điều kiện cho hoạt động của Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Quỹ TT và PTCĐ Tổng công ty tiếp tục phát triển.

- Trong năm 2020, Tổng Công ty thực hiện việc công bố thông tin, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên theo đúng quy định, đảm bảo các thông tin hoạt động đều được công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của Tổng Công ty và các cổ đông.

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc mua lại cổ phiếu đã bán ưu đãi cho người lao động theo diện cam kết làm việc lâu dài khi cổ phần hóa, năm 2020, Tổng Công ty đã tiến hành việc mua lại cổ phiếu nêu trên

nhưng chưa triển khai được do chưa hoàn tất được việc mua cổ phiếu đối với trường hợp người lao động đã nghỉ việc. Mặt khác, Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 quy định việc mua lại cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ thì vốn điều lệ của Tổng Công ty phải giảm tương ứng với số cổ phiếu quỹ. Vì vậy, Hội đồng quản trị sẽ triển khai thực hiện phương án trên khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương giảm vốn điều lệ.

4. Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Tổng Công ty đã triển khai chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng thù lao của HĐQT, thư ký HĐQT đã bao gồm thuế TNCN năm 2020 là 774.000.000 đồng (bao gồm 12 tháng năm 2020 và 01 tháng lương thứ 13 năm 2020), trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 20.000.000 đồng /tháng.
- Phó Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Thư ký HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng.

5. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

- Nhờ sự đẩy mạnh trong việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Điều hành để Ban Điều hành chủ động đưa ra các quyết sách trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty, năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid trên toàn thế giới nhưng Ban Điều hành Tổng công ty đã cố gắng với tất cả năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị.

Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban Tổng Giám đốc triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn. Kết quả này đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, tạo được hiệu ứng làm việc sôi nổi. Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành, sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên Tổng Công ty sẽ đạt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước chinh phục các thị trường mới trong nước, các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp.

- Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã luôn song hành cùng Ban Điều hành trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Đối với các cuộc họp liên quan đến hoạch định chính sách, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc phân công các thành viên Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp với Ban Điều hành, các cán bộ quản lý nhằm đưa ra quyết định, giải pháp sát sao nhằm giải quyết các vướng mắc của Ban Điều hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh

01/01/21
CÔNG T
MẠI HÀ
TY CỔ PHẦN
M-TPH

doanh của Tổng Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

III. ĐỊNH HƯỚNG, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

1. Triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt việc rà soát đánh giá hiệu quả kinh doanh tới từng đơn vị trực thuộc, xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021 có tính phát triển trên cơ sở trọng tâm là chỉ tiêu lợi nhuận và phát triển theo những mảng kinh doanh lớn có tính truyền thống của Hapro. Số liệu kinh doanh 2021 xây dựng cụ thể như sau:

- Doanh thu BH&CCDV : 1.109,68 tỷ đồng
- Kim ngạch XK : 33,2 triệu USD
- Lợi nhuận trước thuế : 38,45 tỷ đồng.

Bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới nói chung trong năm 2021 tiếp tục khó khăn do ảnh hưởng của tình hình đại dịch Covid-19, Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt, quyết định điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 (nếu cần thiết) để phù hợp với tình hình thực tế tại Tổng Công ty.

2. Các nhiệm vụ cần triển khai trong năm 2021:

2.1. Chỉ đạo Ban Điều hành giao kế hoạch Ngân sách, kế hoạch SXKD năm 2021 theo phương thức xây dựng kế hoạch một cách chi tiết, cho từng bộ phận, từng đơn vị, từng địa điểm kinh doanh, từng ngành hàng hoặc lĩnh vực kinh doanh cụ thể và năm 2021 kết quả kinh doanh chung của toàn Tổng Công ty có sự bứt phá với trọng tâm là chỉ tiêu lợi nhuận.

2.2. Chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động kinh doanh thương mại nội địa, nâng cao hiệu quả kinh doanh, rà soát xây dựng mô hình kinh doanh phát triển theo chuỗi trên cơ sở hệ thống địa điểm kinh doanh và lĩnh vực kinh doanh chính Tổng Công ty đang thực hiện, xây dựng kế hoạch chi tiết về bộ sản phẩm phục vụ, kế hoạch doanh thu và phương án triển khai các chương trình Marketing, khuyến mại quảng bá thương hiệu..., nhằm tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh.

2.4. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xuất khẩu: nâng cao kim ngạch xuất khẩu, mở rộng thị trường, phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới, nâng hiệu quả lợi nhuận xuất khẩu và đảm bảo tuyệt đối an toàn nguồn vốn, đẩy mạnh các chương trình XTTM với đối tác trong nước và ngoài nước.

2.5. Rà soát tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả.

2.6. Tiếp tục triển khai các Dự án đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho Tổng Công ty.

2.8. Triển khai thực hiện các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ giao phó.

2.9. Chỉ đạo Ban Điều hành nghiêm túc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

2.10 Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi; Quy chế hoạt động của HĐQT phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Trên đây là nội dung báo cáo về hoạt động của HĐQT Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua. Kính chúc các quý cổ đông mạnh khỏe và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI HÀ NỘI -
CÔNG TY CỔ PHẦN
O. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI
NGUYỄN THÁI DŨNG





Tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2021

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2021



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP;
- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP, Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và tình hình hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Ban Kiểm Soát Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP (“Tổng Công ty”) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) những nội dung chính sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Các cuộc họp và hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020:

Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, bao gồm các nội dung chính sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ lần đầu năm 2020;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành;
- Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật Nhà nước;
- Rà soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ tại Tổng Công ty theo chương trình làm việc của Ban Kiểm Soát;
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị của Tổng Công ty, đưa ra ý kiến đóng góp để Tổng Công ty khắc phục kịp thời, đảm bảo các báo cáo được lập theo đúng quy định, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- Công tác kiểm tra, giám sát của các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Tổng Công ty để giúp đơn vị phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.

2. Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2020:

Ban Kiểm Soát hoạt động gồm có 03 thành viên gồm Trưởng ban và 02 thành viên. Mức thù lao năm 2020 của các Ban Kiểm soát đã được Đại Hội Cổ Đông thông qua, cụ thể:

- Trưởng Ban Kiểm Soát: 10.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban Kiểm Soát : 5.000.000 đồng/người/tháng



II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Tóm tắt tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP (Công ty mẹ) như sau:

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020	Chênh lệch	% Biến động
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
A	Tổng tài sản	3.002,78	3.315,03	(312,25)	-9,42%
1	Tài sản ngắn hạn	1.148,71	1.472,27	(323,56)	-21,98%
2	Tài sản dài hạn	1.854,07	1.842,77	11,31	0,61%
B	Tổng nguồn vốn	3.002,78	3.315,03	(312,25)	-9,42%
1	Nợ phải trả	718,17	995,65	(277,48)	-27,87%
1.1	Nợ phải trả ngắn hạn	261,11	833,69	(572,58)	-68,68%
1.2	Nợ phải trả dài hạn	457,06	161,96	295,10	182,21%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	2.284,61	2.319,39	(34,78)	-1,50%
C	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn				
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,38	0,44	(0,06)	-13,86%
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,62	0,56	0,06	11,08%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,24	0,30	(0,06)	-20,37%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,76	0,70	0,06	8,74%
D	Khả năng thanh toán				
1	Tỷ số thanh toán hiện hành/ngắn hạn	4,40	1,77	2,63	149,12%
2	Tỷ số thanh toán nhanh	4,25	1,69	2,56	151,64%
3	Tỷ số thanh toán tiền mặt/tức thời	0,06	0,13	(0,07)	-54,56%

Về biến động tài sản, nguồn vốn trong năm: Tổng tài sản, nguồn vốn vào thời điểm cuối năm giảm 9,42% so với đầu năm, tương ứng giá trị giảm 312,25 tỷ đồng. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 168,8 tỷ đồng, các khoản tiền và tương đương tiền giảm 94,6 tỷ, các khoản đầu tư giảm 57,8 tỷ đồng. Số tiền thu được Tổng Công ty đã giảm nợ vay 168,1 tỷ đồng và giảm nợ phải trả nhà cung cấp, nợ thuế.

Về khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả: Thanh khoản của Công ty có sự cải thiện so với thời điểm đầu năm, đảm bảo khả năng thanh toán nợ nhanh và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán tức thời đang tiềm ẩn rủi ro thanh khoản cho các khoản đến hạn vì hệ số rất thấp.

2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 2020 – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Chênh lệch	% Thực hiện/Kế hoạch
		(1)	(2)	(3) = (1)-(2)	(4) = (1)/(2)
1	Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)	25,21	30,00	(4,79)	84%
2	Tổng doanh thu	906	1.000	(94)	91%
3	Lợi nhuận trước thuế	12,22	10,00	2,22	122%

Kết quả kinh doanh năm 2020, Tổng Công ty không đạt các chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch trình Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 là 25,21 triệu USD, bằng 84% kế hoạch;
- Tổng doanh thu 906 tỷ đồng, bằng 91% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế 12,22 tỷ đồng, bằng 122% kế hoạch trình Đại hội đồng cổ đông. Trong đó lợi nhuận của Tổng Công ty chủ yếu đến từ tiền bán cổ phần và tiền cổ tức thu từ các công ty thành viên. Các hoạt động bao gồm XNK, khai thác mạng lưới BĐS, bán buôn bán lẻ và dịch vụ khác đều lỗ; hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế đạt 120% kế hoạch lợi nhuận đề ra.

Nguyên nhân Tổng Công ty không đạt các chỉ tiêu tài chính:

- Từ sau cổ phần hóa, Tổng Công ty luôn xác định mảng kinh doanh xuất khẩu là then chốt trong hoạt động SXKD. Tuy nhiên do khó khăn chung của thị trường thế giới dưới ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên kim ngạch Xuất khẩu của TCT trong năm 2020 có sự suy giảm so với năm 2019 và không đạt kế hoạch.
- Hoạt động khai thác mạng lưới bất động sản (bao gồm hoạt động cho thuê BĐS và hợp tác kinh doanh; hoạt động kinh doanh đại lý Hapromart và các hoạt động theo hình thức dịch vụ khác) của đơn vị trong năm 2020 không đạt kế hoạch do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Nhiều địa điểm trống không tìm kiếm được khách thuê, các địa điểm đều phải thực hiện giảm giá cho người thuê, không thực hiện điều chỉnh tăng giá theo hợp đồng đã ký kết.

3. Tóm tắt tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty

Đơn vị: Tỷ đồng

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020	Chênh lệch	% Biến động
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
A	Tổng tài sản	3063,14	3390,57	(327,43)	-9,66%
1	Tài sản ngắn hạn	1156,01	1479,36	(323,35)	-21,86%
2	Tài sản dài hạn	1907,13	1911,21	(4,09)	-0,21%
B	Tổng nguồn vốn	3063,14	3390,57	(327,43)	-9,66%
1	Nợ phải trả	783,30	1066,70	(283,40)	-26,57%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	2279,84	2323,87	(44,04)	-1,89%

Tổng tài sản, nguồn vốn vào thời điểm cuối năm giảm 9,66% so với đầu năm, tương ứng giá trị giảm 327,43 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn và nợ phải trả của Tổng công ty hợp nhất giảm tương ứng 323,35 tỷ đồng và 283,40 tỷ đồng. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, làm giảm quy mô kinh doanh của các hoạt động, đặc biệt là hoạt động xuất nhập khẩu.

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2019	Chênh lệch	% Biến động
		(1)	(2)	(3) = (1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1	Tổng doanh thu từ HĐ SXKD chính	946,94	2275,28	-1.328,34	-58,38%
2	Lãi gộp	123,07	332,26	-209,19	-62,96%
3	Lợi nhuận trước thuế	0,25	150,10	-149,85	-99,84%

So với kết quả kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận gộp giảm mạnh. Nguyên nhân chính là do sự giảm mạnh về doanh thu và lợi nhuận gộp tại công ty mẹ được trình bày tại mục 2.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty và sổ sách kế toán năm 2020

- Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF với ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất cụ thể như sau:

"Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra và Liên danh Trung tâm Thương mại Ngã tư sở (đầu tư vào đơn vị khác) để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (nếu có). Do đó chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Tổng công ty"

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán Việt nam và các quy định hiện hành.

Một số khoản mục lưu ý trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ:

- Khoản mục nợ phải thu ngắn hạn của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 916 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 80% tổng tài sản ngắn hạn. Trong đó, nợ phải thu khách hàng 268 tỷ đồng, nợ ứng trước cho người bán 364 tỷ đồng. Trong khi đó, số dư nợ phải trả người bán (16,7 tỷ đồng) và tiền người mua trả trước (7,7 tỷ đồng) của Tổng Công ty rất thấp.
Điều này cho thấy, Tổng Công ty đang bị chiếm dụng vốn lớn.
- Khoản mục đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2020 là 335,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,7% vốn chủ sở hữu. Trong đó, giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào 5 công ty con là 84,4 tỷ đồng và 19 Công ty liên doanh, liên kết là 190,8 tỷ đồng. Số lượng công ty con và công ty liên kết tuy nhiều, nhưng mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh hợp nhất lại có dấu hiệu suy giảm trong những năm gần đây. Điều đó cho thấy, hiện tại hoạt động đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ chưa có hiệu quả.
- Khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2020 là 159,6 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 61% nợ ngắn hạn, giảm 496,7 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2020, tỷ lệ giảm tương ứng 76%. Mặc dù mức dư nợ vay ngắn đã giảm, nhưng tỷ trọng nợ vay trên dư nợ ngắn hạn vẫn cao, dẫn đến Tổng Công ty phải gánh khoản lãi vay lớn và gặp nhiều áp lực trong việc trả gốc và lãi.

III. TÌNH HÌNH TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY, NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

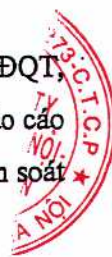
Ban Kiểm Soát đánh giá các hoạt động của Tổng Công ty trong năm 2020 tuân thủ theo đúng pháp luật hiện hành. Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT cũng được giám sát chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định đề ra. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, Ban Kiểm Soát đánh giá HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các phòng ban liên quan đã không để xảy ra vi phạm nào lớn ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng Công ty.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các Nghị quyết này tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng Công ty, và các quy định khác của pháp luật.
- HĐQT tổ chức họp định kỳ và bất thường do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thường xuyên mời Ban Kiểm Soát tham gia trong các cuộc họp triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông; Thảo luận và quyết nghị những vấn đề quan trọng, giải quyết những vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.
- Ban Kiểm Soát ghi nhận HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của các Cổ đông, HĐQT, Ban Điều hành, các cán bộ quản lý. Ban Kiểm Soát đã nhận được đầy đủ các thông tin, báo cáo tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát cũng như cử cán bộ làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu.



VI. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021

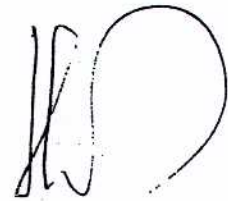
- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ của Tổng Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội Đồng Quản Trị.
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.
- Giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, các dự án đầu tư, khai thác tài sản trong năm 2021.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm của Tổng Công ty. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn của Tổng Công ty.

- Kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty; Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí
- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các phòng/ban, đơn vị trực thuộc để triển khai, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty hiệu quả hơn.

Trên đây là nội dung báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm Soát Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý Cổ đông, HĐQT cũng như sự hợp tác, phối hợp chặt chẽ của Ban Tổng Giám Đốc và các phòng/ban nghiệp vụ trong Tổng Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN HỒNG HẢI



Số: *A.2*/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày *16* tháng *4* năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(V/v: thông qua thù lao cho thành viên HĐQT và BKS Tổng Công ty năm 2020 và dự toán thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2021)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty");
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 10/2021/NQ-HĐQT ngày *11*/03/2021 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021 của Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát ("BKS") Tổng Công ty năm 2020 và kế hoạch thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 như sau:

I. Thù lao cho thành viên HĐQT, BKS, Thư ký Tổng Công ty năm 2020 (Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết Nguyên đán) là: 1.034.000.000 đồng (đã bao gồm thuế TNCN), cụ thể:

- | | |
|--------------------------------------|------------------|
| - Tổng thù lao HĐQT năm 2020: | 735.000.000 đồng |
| - Tổng thù lao BKS năm 2020: | 260.000.000 đồng |
| - Tổng thù lao Thư ký HĐQT năm 2020: | 39.000.000 đồng |

II. Kế hoạch thù lao năm 2021:

1. Hội đồng quản trị:

- | | |
|----------------------|------------------------------|
| - Chủ tịch HĐQT: | 20.000.000 đồng/tháng. |
| - Phó chủ tịch HĐQT: | 10.000.000 đồng/tháng. |
| - Thành viên HĐQT: | 10.000.000 đồng/người/tháng. |
| - Thư ký HĐQT: | 3.000.000 đồng/tháng. |

2. Ban Kiểm soát

- | | |
|-------------------|----------------------------|
| - Trưởng BKS: | 10.000.000 đồng/tháng |
| - Thành viên BKS: | 5.000.000 đồng/người/tháng |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT, HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÁI DŨNG

Số: 14/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2020)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (“**Tổng Công ty**”);
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 20/03/2021 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

STT	KHOẢN MỤC	SỐ TIỀN (VNĐ)
I	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.979.163.452
II	Phân phối lợi nhuận	
	Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (2% LNST)	239.583.269
III	Chia cổ tức	0
IV	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	11.739.580.183

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT, HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THÁI DŨNG

Số: 13/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 16. tháng 4. năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty");
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 20/03/2021 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Căn cứ tình hình thực tế của Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty như sau:

1. Cơ sở đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán:

- Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, có các chuyên gia và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán các Báo cáo tài chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, theo các quy định của các chuẩn mực kế toán (VAS), Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS);
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần;
- Có đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành.
- Có mức phí phù hợp và đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh.

2. Đề xuất của Hội đồng quản trị:

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập sau khi có ý kiến của Ban kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật. Giao Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT, HĐQT.



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÁI DŨNG

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ
NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 45/2021/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”);
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 20/3/2021 v/v kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021;
- Căn cứ tình hình thực tế của Tổng Công ty,

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc bổ sung các ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty, nội dung chi tiết như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; - Lập quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp; thiết kế cơ – điện công trình; thiết kế cấp – thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thi công xây dựng công trình;

		- Giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
2	4101	Xây dựng nhà để ở
3	4102	Xây dựng nhà không để ở

2. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị được toàn quyền xem xét, phê duyệt, quyết định và chỉ triển khai thực hiện các công việc sau đây:

- Đăng ký bổ sung các ngành, nghề kinh doanh nêu trên của Tổng Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty;
- Chỉ đạo việc triển khai thực hiện các thủ tục cần thiết có liên quan để điều chỉnh, bổ sung nội dung ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT, HĐQT.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THÁI DŨNG

Số: 16./2021/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty");
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 20/03/2021 về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Để phản ánh và cập nhập những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần thứ hai của Tổng Công ty (Dự thảo đính kèm).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty tiếp tục hoàn thiện và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần thứ hai của Tổng Công ty và thực hiện các thủ tục cần thiết có liên quan theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét & thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÁI DUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên Tiếng Anh: HANOI TRADE JOINT STOCK CORPORATION

Tên viết tắt Tiếng Anh: HAPRO

Địa chỉ trụ sở chính: Số 38 – 40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3826 7984

Fax: (024) 3826 7983

Website: www.haprogroup.vn



Hà nội, ngày ... tháng ... năm 2021

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai và được Đại hội đồng cổ đông thông qua... ngày ...
tháng ... năm 2021

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổng công ty là Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần (CTCP);

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Tổng Công Ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng Công Ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Tổng Công Ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

p) Các đơn vị trực thuộc: Các Chi nhánh và (hoặc) các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công Ty

1. Tên Công Ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANOI TRADE JOINT STOCK CORPORATION

- Tên Công ty viết tắt: HAPRO

2. Tổng Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 38 – 40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Trụ sở giao dịch: Số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (024) 3826 7984

- Fax: (024) 3826 7983

- Website: www.haprogroup.vn

4. Tổng Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép và phù hợp với thông lệ quốc tế.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 71 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Tổng Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Tổng công ty luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam.

2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty như sau:

a. Thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị: phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đối với:

+ Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định đầu tư, dự án, kinh doanh bất động sản, các công việc phát sinh tại các công ty liên doanh/liên kết/có vốn góp của Tổng Công ty);

+ Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;

+ Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Thẩm quyền của Tổng Giám đốc:

- Chỉ đạo triển khai các hoạt động kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu đối với:
- + Các hoạt động kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, theo phân công/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- + Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm;	4632
2.	Bán buôn đồ uống;	4633
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dựng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
4.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nôi, thuốc láo.	4634
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
8.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nôi, thuốc láo chiếm tỷ trọng lướn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.	4711
9.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
10.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;	4741

11.	Bán lẻ vải len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4751
12.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh;	4752
13.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;	4763
14.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
15.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bì	1702
16.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;	4721
17.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722
18.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;	4723
19.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh;	4724
20.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
21.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4761
22.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế	4773

	- Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đẹp và phụ tùng	
23.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;	1020
24.	Sản xuất rượu vang;	1102
25.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
26.	Sản xuất các loại bánh từ bột;	1071
27.	Sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn;	1075
28.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);	5621
29.	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
30.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
31.	Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;	1010
32.	Chế biến và bảo quản rau quả;	1030
33.	Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;	1074
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
35.	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5210
36.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230
37.	Sản xuất bao bì bằng gỗ;	1623
38.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	1080
39.	Sản xuất giày dép;	1520
40.	Sản xuất đường;	1072

41.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
42.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;	5022
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;	5222
44.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ dịch vụ thiết kế công trình);	7410
45.	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6420
46.	Dịch vụ đóng gói;	8292
47.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
48.	Sản xuất cacao, sôcôla và mứt kẹo;	1073
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;	5221
51.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
52.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
53.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6810
54.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết:	8299

	Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	
56.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
57.	Bán buôn gạo	4631
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
59.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác taajnthu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);	0899
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
61.	Xay xát và sản xuất tinh bột thô	1061
62.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
63.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
64.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
65.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mxy phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

	Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	
66.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng; Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia)	4774
67.	Bán buôn tổng hợp	4690
68.	Bán mô tô xe máy	4541
69.	Trồng cây điều	0123
70.	Trồng cây cao su	0124
71.	Trồng cây cà phê	0126
72.	Trồng cây chè	0127
73.	Trồng cây gia vị, dược liệu	0128
	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty: Tổng Công ty được thành lập nhằm mục tiêu:

- Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Tổng Công ty, các cổ đông và người lao động.
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và đăng ký theo quy định của pháp luật để đáp ứng yêu cầu

thực tế của Tổng Công ty tại từng thời điểm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức hoạt động

1. Tổng công ty tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng công ty là Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Điều 7. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ, phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Tổng Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, không gây cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Tổng Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là **2.200.000.000.000** đồng (*Hai nghìn hai trăm tỷ đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành **220.000.000** (*Hai trăm hai mươi triệu*) cổ phần với mệnh giá là **10.000** đồng/cổ phần.
2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 23, Điều 24 Điều lệ này.
4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và

người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông pháp nhân

1. Người đại diện quản lý phần vốn của cổ đông là pháp nhân tại Tổng công ty phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông pháp nhân đó, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và được ghi rõ số lượng cổ phần và tỷ lệ phần vốn tham gia quản lý.

2. Trường hợp tổ chức là cổ đông của Tổng Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền và phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông Tổng công ty không xác định số cổ phần sẽ được tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

3. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo ủy quyền có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Cổ đông phải nộp lệ phí cấp lại cổ phần theo quy định của Tổng công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ “Đăng ký cổ đông” được lập ngay sau khi Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sổ “Đăng ký cổ đông” được lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở giao dịch của Tổng công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của mình trong Sổ Đăng ký cổ đông theo quy định hiện hành.

3. Sổ Đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, trụ sở chính của Tổng công ty.

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần chào bán của từng loại.

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Tổng công ty và/hoặc Cổ đông thực hiện điều chỉnh thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán, để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Điều 12. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ Trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần,

Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10%/một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 15. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật thừa kế. Tổng công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Tổng Công ty và các văn bản pháp lý đó và có văn bản cử người đại diện (nếu có).

3. Người kế thừa hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được thừa kế, nhưng người thừa kế quyền sở hữu cổ phần đó không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng khác trong Tổng Công ty của cổ đông mà họ thừa kế.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Khi được quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa sau khi đã được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 16. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Tổng công ty được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần (theo giá thị trường từng thời điểm).

Điều 17. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng Công ty

Tổng Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do HĐQT quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại mục c Khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Tổng Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Tổng Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Tổng Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Tổng Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Tổng Công ty thông báo.

Điều 18. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ có quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.
2. Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định trong một quy chế riêng của Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 19. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại

1. Tổng Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Tổng Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Tổng Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Tổng công ty mua

lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 20. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Tổng Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Tổng Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Tổng Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng Công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Tổng Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Tổng Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định Luật Doanh nghiệp và Điều 19 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định Luật doanh nghiệp và Điều 20 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Tổng công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Tổng công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng

liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 22. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị,
3. Ban kiểm soát;
4. Ban Tổng giám đốc;
5. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với định hướng phát triển, tình hình thực tế và được Hội đồng quản trị phê duyệt.

MỤC 1. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công ty;
 - h) Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền

và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên Tổng Công ty có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Tổng Công ty. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện theo quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Tổng Công ty trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50%

được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát và/hoặc các cổ đông khác đề cử. Thủ tục Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định.

Điều 24. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Cung cấp chính xác, đầy đủ thông tin địa chỉ cho Tổng Công ty khi đăng ký mua cổ phần và/hoặc khi thay đổi thông tin địa chỉ.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp; dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên; chuẩn bị tài liệu; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản liên quan; các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Số lượng thành viên, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổng Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng Công ty;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;

- j) Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Tổng Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất;
- o) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 24 Điều lệ này.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, theo mẫu quy định của Tổng Công Ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi

ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp bên ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công Ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 28. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 29, 30 và 31 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối

lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 29. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công Ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 30. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này.

Điều 31. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo

luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 32. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành :

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổng Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6 Điều này.

4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công Ty.

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ lúc nào và bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông

là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d) Các quy định khác theo Thông báo của Tổng Công Ty tại thời điểm gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công Ty. Biên bản kiểm phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách

nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công Ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 32 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công Ty và các bên có liên quan của Tổng Công Ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo mẫu của Tổng Công Ty;

g) Tổng Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Tổng Công Ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công Ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Tổng Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Tổng Công ty quy định. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại từng thời kỳ. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi có ủy quyền hoặc khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định:

a) ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

- Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

c) Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công Ty.

Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công Ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công Ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công Ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

c) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổng Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công Ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công Ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty; yêu cầu phá sản Tổng Công Ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.

Điều 39. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.

Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh: Ban Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách Kế toán của Chi nhánh/Trung tâm/Nhà máy; Trưởng/Phó Phòng/Ban/đơn vị trong Tổng Công ty và người quản lý khác theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.
- f) Quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty, trừ những hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- g) Thành lập và quyết định tổ chức hoạt động của Hội đồng lương thưởng và các vấn đề có liên quan;
- h) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty.
- i) Bất kỳ vấn đề nào khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần thiết phải quyết định vì lợi ích của Tổng Công Ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này
- j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công Ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Phó Chủ tịch vắng mặt và không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công Ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức liên lạc điện thoại.

10. Hình thức cuộc họp được quy định cụ thể tại Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 42. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 43. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và bất kỳ lĩnh vực nào khác tại từng thời điểm. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công Ty.

Điều 45. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng Công Ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công Ty.
3. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công Ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công Ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.

MỤC 3. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Tổng Công Ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị Tổng Công Ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 47. Người điều hành của Tổng Công Ty

1. Người điều hành Tổng Công Ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công Ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và theo quy chế, quy định của Tổng Công ty.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền lương của Tổng giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 48. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Tổng Công Ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng Công Ty;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Ký kết các giao dịch, hợp đồng theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty.
6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
7. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 49. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Tổng Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Tổng Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Tổng Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Tổng Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 50. Người quản lý và trách nhiệm của người quản lý Tổng Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
 - c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
 - đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 51. Quyền khởi kiện đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

MỤC 4. BAN KIỂM SOÁT

Điều 52. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Điều 36 Điều lệ này.

Điều 53. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Tổng Công Ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 54. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công Ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công Ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Tổng Công Ty.

Điều 56. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 57. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 58. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

MỤC 5. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 59. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công Ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, Công ty con, Công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội

đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công Ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công Ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Những chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 61. Các hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ, HĐQT chấp thuận

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công Ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công Ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công Ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Tổng Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Tổng Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8. Giao dịch giữa Tổng Công ty với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này phải phù hợp quy định tại Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG V. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH, CBNV, CÔNG ĐOÀN TỔNG CÔNG TY

Điều 62. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công Ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công Ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện (bản gốc hoặc bản sao chứng thực của giấy ủy quyền); giấy ủy quyền được thực hiện theo mẫu của Tổng Công ty (nếu có).

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công Ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Điều 63. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng lao động, chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và những người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 64. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công Ty.

2. Tổng Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi

tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công Ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công Ty chứng khoán hoặc Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công Ty mở tài khoản.

Điều 66. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 67. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công Ty.

3. Tổng Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 68. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công Ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công Ty.

3. Tổng Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 69. Báo cáo thường niên

Tổng Công Ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 70. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công Ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công Ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình các báo cáo đó cho Hội đồng quản trị. Thời hạn lập báo cáo phải phù hợp với quy định của pháp luật về báo cáo tài chính. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Điều 71. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 72. Giải thể

1. Tổng Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 73. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Điều 74. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công Ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công Ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Tổng Công Ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Tổng Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào

cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Điều 76. Điều lệ Tổng Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

Điều 77. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ hai gồm 8 chương, 77 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày....tháng.....năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công Ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT





**TÔNG HỢP ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TÔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CTCP**

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
1.	ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ 1. Trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ này có quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau : b. Vốn điều lệ: Là vốn góp của các cổ đông đóng góp trong một thời hạn nhất định và được quy định tại Điều 8 Điều lệ này; d. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015; e. Cổ đông: là các cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất 01 cổ phần đã phát hành của Tổng công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty; f. i. Những người có liên quan: là bất kỳ các cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a) <i>Vốn điều lệ</i> là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Tổng Công Ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm; i) <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 46 Điều 4 Luật Chứng khoán; k) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty; m) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán; o) <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> là Sở giao dịch chứng khoán	Sửa đổi, bổ sung các thuật ngữ tại khoản 1 phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
		Việt Nam và các công ty con.	
2.	ĐIỀU 3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TỰ CÁCH PHÁP NHÂN. 1. Hình thức tổ chức: Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thương mại Hà Nội là Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội. Tổng công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Tổng công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. 2. Tự cách pháp nhân: Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hiện hành của Nhà nước.	Bỏ khoản 1,2	Bỏ khoản 1,2 do Tổng Công ty đang hoạt động theo mô hình Cty CP theo quy định Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản hiện hành của Nhà nước
3.	ĐIỀU 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG 1. Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP chính thức hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	Bỏ điều 5 do đã quy định tại khoản 2, khoản 5 điều 2 Điều lệ sửa đổi	Sửa đổi do sắp xếp lại các điều khoản.

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
4.	2. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 68 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn. ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ 1. Vốn Điều lệ của Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ). 2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Tổng công ty là: 2.200.000.000 đồng (Hai ngàn hai trăm tỷ đồng), được chia thành 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần, trong đó: + Cổ phần do nhà đầu tư chiến lược nắm giữ: 143.000.000 cổ phần tương đương 1.430.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ. + Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động : 982.900 cổ phần tương đương 9.829.000.000 đồng; Trong đó: <i>Cổ phần mua ưu đãi theo năm công tác: 789.100 cổ phần; cổ phần bán ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp: 193.800 cổ phần</i> chiếm tỷ lệ 0,45% vốn điều lệ. + Cổ phần bán ra công chúng : 76.017.100 cổ phần tương đương 760.017.100.000 đồng, chiếm 34,55% vốn điều lệ. 3. Sử dụng vốn Điều lệ: Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho cổ đông. 4. Điều chỉnh vốn điều lệ: Vốn điều lệ có thể được điều chỉnh (<i>lãng hoặc giảm</i>) theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng công ty.	Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu 1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 2.200.000.000.000 đồng (Hai ngàn hai trăm tỷ đồng) Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. 2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật Doanh nghiệp.

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	Việc điều chỉnh vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.		
5.	ĐIỀU 9. TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ 1. Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty quyết định tăng vốn Điều lệ của Tổng công ty nếu thấy cần thiết bằng các hình thức sau: a. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; Chào bán ra công chúng; chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định tại điều 122, điều 123, điều 124 Luật Doanh nghiệp 2014. b. Chuyển lợi nhuận tích lũy của Tổng công ty thành những cổ phần phổ thông để chia cổ tức bằng cổ phần cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi cổ đông để tăng vốn. 2. Việc giám vốn điều lệ Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở pháp luật quy định nhưng vẫn đảm bảo Tổng công ty hoạt động bình thường.	Bỏ	Việc tăng, giảm vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành
6.	ĐIỀU 11. CÁC LOẠI CỔ PHẦN 1. Tất cả các loại cổ phần được phát hành lần đầu của Tổng công ty đều là cổ phần phổ thông. 2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. 3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp và cổ phần do nhà đầu tư chiến lược nắm giữ là cổ phần hạn chế chuyển nhượng.	Bỏ Điều 11	Bỏ do các cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp và cổ phần do nhà đầu tư chiến lược nắm giữ bị hạn chế chuyển nhượng thực hiện theo Nghị định 59/NĐ-CP áp dụng khi cổ phần

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi hoá Tổng Công ty
7.	ĐIỀU 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây: e) Cổ đông là nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. f) Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc tại Công ty cổ phần không được chuyển nhượng trong thời hạn 3 năm kể từ ngày Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây: a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; b) Xem xét và trích lục biên bản và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát; c) Đại diện Công ty triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty trong trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp. d) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách	Điều 23. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:....” 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng Công ty. “Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện...phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định”. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên Tổng Công ty có các quyền sau: a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Điều 20 Điều lệ; b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên	- Bổ điểm e,f khoản 2 về quyền của cổ đông phổ thông do cổ phần bị hạn chế bị chuyển nhượng được thực hiện theo Nghị định 59/NĐ-CP khi cổ phần hoá Tổng Công ty - Sửa đổi các quyền đối với cổ đông sở hữu từ 5% hoặc 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Tổng công ty

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. e) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông; tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; f) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây....quy định tại Điều lệ Tổng công ty”.	quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty; c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông; tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Tổng Công ty. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
8.	ĐIỀU 18. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU 1. Tổng công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 2. Tổng công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp	Điều 12. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ Trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.	Sửa đổi theo hướng dẫn của Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC. Việc phát hành trái phiếu của Tổng Công ty được thực

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	pháp luật về chứng khoán có quy định khác. 3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu. 5. Trường hợp Tổng công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Tổng công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần. 6. Tổng công ty có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn theo quy định của Pháp luật.		hiện theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.
9.	ĐIỀU 25. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty gồm có: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị; 3. Ban Kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc điều hành; 5. Kế toán trưởng;	Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị, 3. Ban kiểm soát; 4. Ban Tổng giám đốc; 5. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với định hướng phát triển,	Sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế tại Tổng Công ty

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	6. Các phòng/ ban; 7. Các Chi nhánh, các đơn vị trực thuộc. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với định hướng phát triển, tình hình thực tế và được Hội đồng quản trị phê duyệt.	tình hình thực tế và được Hội đồng quản trị phê duyệt.	
10.	ĐIỀU 26. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2. “Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty ... l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty”	Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, báo miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; n) Tổng Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; o) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; p) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung các quyền và nghĩa vụ của DHDCTD theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và ND 155/2020/NĐ-CP
11.	ĐIỀU 27. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Điều 25. Đại hội đồng cổ đông 1. ... Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần	Sửa đổi phù hợp Điều 139 Luật

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính...	Doanh nghiệp 2020
12.	<i>Không quy định</i>	Điều 28. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người	Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
		nhằm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên. 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 24, 25 và 26 Điều lệ này. 4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công Ty không bị thay đổi khi Tổng Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	
13. Ủy sinh rị	ĐIỀU 28. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 1. Tổng công ty thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp DHDCD tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 29. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông “2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. ... g) Các công việc khác phục vụ đại hội”. 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đề bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà	Sửa đổi phù hợp quy định tại Điều 141, 143 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
		nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Tổng Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông...	
14.	ĐIỀU 30. THÔNG BÁO VÀ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10(mười) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).		
15.	ĐIỀU 32. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% (Năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều 30. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.	Sửa đổi phù hợp Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.
16.	ĐIỀU 33. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo các quy định sau đây:	Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:	Sửa đổi điểm a khoản 2 về chủ tọa cuộc họp phù hợp K2 Điều 146 Luật

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; 10. Trường hợp Tổng Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	Doanh nghiệp và bổ sung quy định về áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến
17.	ĐIỀU 34. HÌNH THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (Năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này. 4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp hoặc một hình thức khác do DHDCTD quyết định. 5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51%(Năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết	Điều 32. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 5 Điều này. 4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua. 5. Nghị quyết của DHDCTD về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán	Sửa đổi phù hợp Điều 148 Luật Doanh nghiệp

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	chấp thuận.	thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. 6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. 7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.	
18.	ĐIỀU 35. THẨM QUYỀN VÀ THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẢNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG. 2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, ... và số phiếu biểu quyết của cổ đông; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty; 5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên	Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức .. số phiếu biểu quyết của cổ đông; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu	Sửa đổi phù hợp Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
	bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.	dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công Ty. Biên bản kiểm phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây: e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	
19.	ĐIỀU 36. BIÊN BẢN HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG. 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi Biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây: h) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.	Điều 34. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Bổ sung phụ hợp Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020
20.	Chưa có quy định	Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng	Bổ sung theo quy định tại Điều 274 Nghị 155/2020/NĐ-CP

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
		Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công Ty và các bên có liên quan của Tổng Công Ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo mẫu của Tổng Công Ty; g) Tổng Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Tổng Công Ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công Ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	
21.	ĐIỀU 38. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Ban Tổng Giám đốc, các Giám đốc Điều hành, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và	Sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế tại Tổng Công ty

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
22.	ĐIỀU 39. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị : a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Trong đó có 01 (một) Chủ tịch và các ủy viên. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên HĐQT tại từng thời kỳ. b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm; c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ được bầu lại không hạn chế.	quyền lợi khác của những người đó; q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế tại Tổng Công ty và bổ sung cơ cấu thành viên HĐQT
23.	ĐIỀU 43: BIÊN BẢN HỢP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Điều 42. Biên bản họp Hội đồng quản trị 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Bổ sung khoản 2 phù hợp với Điều 158 Luật DN 2020
24.	Chưa có quy định	Điều 44. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu bản trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro tại từng thời điểm. Số lượng	Bổ sung quy định về các tiêu bản thuộc HĐQT

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
25.	Chưa có quy định	thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Điều 45. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty 1. Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng Công ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. 2. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty. 3. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau: a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp;	Bổ sung theo quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
26.	<i>Không quy định</i>	Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý Bộ máy quản lý của Tổng Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Tổng Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Bổ sung quy định
27.	ĐIỀU 50: QUYỀN KHỞI KIẾN ĐỔI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC 1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời gian 06 (sáu) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:	Điều 51. Quyền khởi kiện đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc 1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:	Bổ quy định cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu... “liên tục trong thời gian 06 tháng” phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
28.	Chưa có quy định	Điều 47. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Điều 31 Điều lệ này.	Sửa đổi phù hợp Điều 285 ND 155/2020/ND-CP
29.	ĐIỀU 52: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT 2. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban Kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.	Điều 54. Trưởng Ban kiểm soát 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	- Bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS; - Bổ quy định Trưởng BKS phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty phù hợp với quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp 2020
30.	Chưa có quy định	Điều 57. Cuộc họp của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu	Sửa đổi phù hợp quy định tại Điều...Nghị định 155/2020/ND-CP

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
		giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. 2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
31.	<i>Không quy định</i>	Điều 59. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công Ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công Ty, Công Ty con, Công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
32.	<i>Chưa có quy định</i>	Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát,	

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
		Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công Ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. 3. Những chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
33.	Chưa có quy định	Điều 62. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công Ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị	

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
		quyết Đại hội đồng cổ đông; b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công Ty. 2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện (bản gốc hoặc bản sao chứng thực của giấy ủy quyền); giấy uỷ quyền được thực hiện theo mẫu của Tổng Công Ty (nếu có). 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công Ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 4. Tổng Công Ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được	

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
		thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này. 5. Điều lệ Tổng Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty.	
34.	<i>Chưa có quy định</i>	Điều 65. Tài khoản ngân hàng 1. Tổng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. 3. Tổng Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công Ty mở tài khoản.	
35.	ĐIỀU 71: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Tổng công ty cổ phần Thương mại Hà Nội chính thức hoạt động sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây: 1. Xác nhận danh sách các cổ đông đã mua hết số cổ phần phát hành và nộp đủ số vốn tương ứng. 2. Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất đã phê duyệt bản Điều lệ này. 3. Đã bầu được Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và bổ nhiệm Tổng giám đốc một cách hợp pháp, hợp lệ. 4. Việc quản lý Tổng công ty đã được giao cho Hội đồng quản trị. 5. Đã hoàn tất mọi thủ tục và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.	<i>Bỏ</i>	Bỏ do Tổng Công ty đang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ và đã hoàn tất các thủ tục theo quy định này
36.	<i>Chưa có quy định</i>	Điều 70. Kiểm toán	

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
		1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công Ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công Ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. 2. Công Ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình các báo cáo đó cho Hội đồng quản trị. Thời hạn lập báo cáo phải phù hợp với quy định của pháp luật về báo cáo tài chính. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công Ty. 3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty.	

STT	Nội dung theo Điều lệ 2018 (Điều lệ hiện hành)	Nội dung đề nghị sửa đổi (Điều lệ sửa đổi)	Căn cứ sửa đổi
37.	ĐIỀU 77: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ 1. Bản Điều lệ này gồm 7 (bảy) chương, 77 (bảy mươi bảy) điều được lập thành 16 (mười sáu) bản có giá trị như nhau và được phiên hợp Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2018 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ này chỉ có giá trị kể từ ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 3. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn. 4. Các nội dung không được quy định trong Điều lệ này hoặc khi Pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định của Pháp luật và Điều lệ này mâu thuẫn nhau, sẽ thực hiện việc áp dụng theo quy định của Pháp luật hiện hành. 5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 77. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ hai gồm 8 chương, 77 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày ... tháng ... năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ này được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công Ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Sửa đổi cập nhật các điều khoản theo điều lệ sửa đổi, bổ sung

Số: 17/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần ("**Tổng Công ty**");
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("**HDQT**") số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 20/03/2021 về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông ("**DHĐCD**") thường niên năm 2021;

Để phản ánh và cập nhập những quy định mới của pháp luật, HDQT đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty, HDQT kính trình ĐHĐCD thường niên năm 2021 của Tổng Công ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCD thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất (Dư thảo đính kèm).
- ĐHĐCD ủy quyền cho HDQT Tổng Công ty tiếp tục hoàn thiện và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất Tổng Công ty.

Kính trình ĐHĐCD xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- HDQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÁI DŨNG

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết ngày tháng năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP)

**CHƯƠNG 1.****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về Quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ giữa thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Tổng Công ty” được hiểu là Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần.
- b. “Quản trị” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông, người lao động và những người liên quan đến Tổng Công Ty.
- c. “Cổ đông” được hiểu là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty.
- d. “Cấp có thẩm quyền” được hiểu là HĐQT hoặc HĐQT Tổng Công ty tùy từng trường hợp cụ thể. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- e. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- f. “Người đại diện theo ủy quyền” được hiểu là cá nhân được Cổ đông là tổ chức của Tổng Công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền của Cổ đông đó tại Tổng Công Ty theo quy định Pháp luật.
- g. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng Công Ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;;
- h. “Người điều hành doanh nghiệp” được hiểu là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm.
- i. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

- j “Pháp luật” được hiểu là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật có liên quan được ban hành, công bố và áp dụng đối với Tổng Công ty tại từng thời điểm.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty

Nhằm đảm bảo cho Tổng Công ty điều hành và kiểm soát một cách hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng Công ty, các nguyên tắc quản trị gồm:

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Công khai, minh bạch mọi hoạt động của Tổng Công ty;

CHƯƠNG 2.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - 2.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - c) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - d) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - đ) Kế hoạch kinh doanh hàng năm;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền
 - 2.2 Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;

- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;
- f) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
- k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
- l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- n) Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- o) Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất;
- p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- q) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công Ty và theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường của Công Ty và ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Tổng Công Ty và theo quy định của pháp luật.
 2. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường của Tổng Công Ty và ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ.
 3. Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị các nội dung sau:
 - a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố tối thiểu 20 ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông, được công bố trên website của Tổng Công ty, gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD) và công bố thông tin theo quy định.
 - b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Cổ đông có quyền dự họp là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Tổng Công Ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự ĐHĐCĐ.
 - Các tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần trong thời gian từ ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thì người nhận chuyển nhượng không được tham dự, phát biểu và biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ tại thời điểm đó.
 - c. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu và các công việc khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công Ty.
- Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**
1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư); đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.
 2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.
 3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (nếu có) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Phiếu biểu quyết.
 5. Trường hợp Tổng Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của

Tổng Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu và Tổng Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 8. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong Thư mời họp, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi bằng đường bưu điện hoặc gửi thư điện tử cho Tổng Công ty trước thời hạn ghi trong Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, theo mẫu quy định của Tổng Công ty và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết trong suốt quá trình diễn ra Đại hội. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông phải xuất trình giấy tờ pháp lý của cá nhân, Thư mời tham dự, Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền) với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông để đăng ký và nhận Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) theo quy định của Tổng Công ty.

4. Tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông đã làm các thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia, phát biểu ý kiến trong nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký tham dự và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký tham dự đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 9. Điều kiện tiến hành họp và hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần

thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định Điều 32, 33 Điều lệ Công Ty.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Hình thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội:

a. Đại hội đồng cổ đông có thể biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và/hoặc thu Thẻ biểu quyết hoặc hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẻ biểu quyết là phiếu in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu của Tổng Công ty được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội.

b. Tại mỗi kỳ họp, Đại hội đồng cổ đông quyết định cách thức bỏ phiếu tại Đại hội như sau:

(i) Sử dụng hai loại Thẻ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

- Thẻ biểu quyết chung đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua liên quan đến trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trong Thẻ biểu quyết chung có các thông tin về mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong Thẻ biểu quyết này có các thông tin về: mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội, các nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông Tổng Công ty.

(ii) Sử dụng một loại Thẻ biểu quyết chung tại đại hội: các cổ đông sử dụng Thẻ biểu quyết chung để biểu quyết tất cả các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình gồm:

- Biểu quyết tán thành hoặc
- Biểu quyết không tán thành hoặc
- Biểu quyết không có ý kiến.

2. Các cách thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề hoặc giơ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán

thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Biểu quyết bằng hình thức thu Thẻ biểu quyết (trong trường hợp sử dụng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông): Cổ đông điền vào Thẻ biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

- Bỏ phiếu điện tử: được thực hiện theo quy định tại Quy định bỏ phiếu điện tử tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

4. Mỗi Thẻ biểu quyết của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc kiểm phiếu ngay sau khi việc biểu quyết kết thúc.

2. Sau khi kết thúc việc giơ Thẻ biểu quyết chung đối với từng nội dung cần thông qua tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm đếm và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.

3. Trường hợp thu Thẻ biểu quyết và phiếu bầu cử, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền bỏ phiếu vào hòm phiếu được Ban tổ chức chuẩn bị và các cổ đông thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín tại Đại hội. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết, bầu cử và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại Đại hội. Nội dung Biên bản kiểm phiếu gồm:

- Tổng số phiếu phát ra, Tổng số phiếu thu về;
- Tổng số phiếu hợp lệ, Tổng số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến, số phiếu có ý kiến khác đối với từng vấn đề.
- Các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, không thông qua theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Trưởng Ban Kiểm phiếu và Thư ký. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 32 Điều lệ Tổng Công ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu thấy cần thiết) và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại Đại hội là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông tham dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan của kỳ họp đại hội cổ đông gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

2. Tổng Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ lúc nào và bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Trình tự, thủ tục lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu, cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 147 và Điều 149 của Luật Doanh nghiệp, Điều 33 Điều lệ Tổng Công ty.

4. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

6. Quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 17: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng một trong các hình thức trên được thực hiện theo quy chế tổ chức họp tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông đó.

CHƯƠNG 3.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:
Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, Quy chế Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổng Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia

Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập Công Ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua,;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 19. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 20. Thành phần, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT tại từng thời kỳ.

2. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 22. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty

1. Các cổ đông, nhóm cổ đông đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị Tổng Công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
2. Hội đồng quản trị gửi mẫu đơn ứng cử, đề cử được gửi cùng Thư mời họp ĐHĐCĐ hoặc đăng tải mẫu đơn ứng cử, đề cử trên website của Tổng Công ty theo đúng thời hạn quy định.
3. Cổ đông đủ điều kiện ứng cử đề cử phải gửi Đơn ứng cử, đề cử và nhóm cổ đông phải gửi Biên bản họp nhóm cổ đông hợp lệ, Đơn đề cử cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị Tổng Công ty khi thực hiện các quyền của cổ đông, nhóm cổ đông để đề cử, ứng cử người vào HĐQT theo quy định.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Điều lệ Tổng Công ty quy định. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các ứng cử viên bầu vào HĐQT trước khi tiến hành bầu cử theo quy định pháp luật.

Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên HĐQT, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
2. Trường hợp chưa xác định được trước ứng viên HĐQT, tại cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT phải thông báo danh sách ứng cử viên HĐQT cũng như các thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT để ĐHĐCĐ có căn cứ lựa chọn, bầu các ứng viên vào HĐQT Tổng Công ty.
3. Cách thức bầu cử thành viên HĐQT:
 - Bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại mỗi kỳ họp.

- Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:

+ Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc một số ứng viên HĐQT và đảm bảo số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Tổng Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Điều lệ Tổng Công ty và theo quy định pháp luật.

2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công Ty có quy định khác.

2. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải có các nội dung cơ bản sau:

- Danh sách các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm;
- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung;
- Điều kiện để trở thành thành viên HĐQT;

- Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên HĐQT;
- Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia thành viên HĐQT;
- Biểu mẫu ứng cử, đề cử ứng viên thành viên HĐQT và thời hạn gửi hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên tham gia HĐQT của các cổ đông.

CHƯƠNG 4.

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 26. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT (nếu HĐQT thấy cần thiết) và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên tiến hành bầu lại trong số họ và chọn một (01) người có số phiếu cao nhất để triệu tập cuộc họp HĐQT.

2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường tại trụ sở chính của Tổng Công ty hoặc nơi khác. Cuộc họp định kỳ của HĐQT cho Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, **nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.**

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý của Tổng Công ty;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công Ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Thông báo mời họp HĐQT:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

6. Hình thức cuộc họp HĐQT

Cuộc họp HĐQT được tổ chức họp trực tiếp hoặc dưới hình thức khác như: họp trực tuyến, ; hình thức liên lạc điện thoại hoặc hình thức điện tử khác... Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức liên lạc điện thoại hoặc họp trực tuyến, hoặc hình thức điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 27. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền) tham dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 28. Cách thức biểu quyết và thông qua Quyết định của Hội đồng quản trị

Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Các quyết định và Nghị quyết của HĐQT được thông qua khi có đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

3. Thành viên HĐQT không trực tiếp tham dự có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu kín gửi đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp, phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở ra trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự họp. Trường hợp Phiếu biểu quyết không được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định trên, Phiếu biểu quyết này vẫn có giá trị nếu đa số Thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp không phản đối.

4. Thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết. Thành viên HĐQT liên quan đến hợp đồng, giao dịch như quy định tại khoản 1 điều 167 Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch đó.

5. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

6. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 29. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh (nếu cần thiết) phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp và Thư ký ghi biên bản. Trong trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ Tổng Công ty thì biên bản này có hiệu lực.. Các nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Các thành viên HĐQT có thể được lưu giữ bản gốc Biên bản cuộc họp HĐQT nếu có yêu cầu và được Chủ tịch HĐQT chấp thuận.

3. Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính Tổng Công Ty.

Điều 31. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản

hợp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Quyết định/Chỉ thị của Chủ tịch HĐQT tới các Trường BKS và Ban Tổng Giám đốc để nắm thông tin, triển khai thực hiện các nội dung đã được HĐQT thông qua (nếu cần thiết).

CHƯƠNG 5.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

Vai trò của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. 2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

- a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty.
- b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- c) Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.
- i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công Ty.

3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 55 Điều lệ Tổng Công ty.
4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp và Điều 56 Luật Doanh nghiệp.

Điều 32. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có ba (03) thành viên. Các thành viên BKS do ĐHĐCĐ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm, thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.

Điều 33. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.

1. Các cổ đông, nhóm cổ đông đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát Tổng Công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
2. Hội đồng quản trị gửi mẫu đơn ứng cử, đề cử được gửi cùng Thư mời họp ĐHĐCĐ hoặc đăng tải mẫu đơn ứng cử, đề cử trên website của Tổng Công ty theo đúng thời hạn quy định.
3. Cổ đông đủ điều kiện ứng cử đề cử phải gửi Đơn ứng cử, đề cử và nhóm cổ đông phải gửi Biên bản họp nhóm cổ đông hợp lệ, Đơn đề cử cho Chủ tịch HĐQT/Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Tổng Công ty khi thực hiện các quyền của cổ đông, nhóm cổ đông để đề cử, ứng cử người vào Ban kiểm soát theo quy định.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này. Cơ chế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 334. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Các thành viên BKS do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên BKS, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên BKS được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;

d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

3. Trường hợp chưa xác định được trước ứng viên BKS, tại cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT phải thông báo danh sách ứng cử viên BKS cũng như các thông tin liên quan đến ứng viên BKS để ĐHĐCĐ có căn cứ lựa chọn, bầu các ứng viên vào BKS Tổng Công ty.

4. Cách thức bầu cử thành viên BKS:

- Bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại mỗi kỳ họp.

- Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:

+ Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc một số ứng viên BKS và đảm bảo số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

- Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Tổng Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 53 Điều lệ Tổng Công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

1. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước hai mươi mốt (21) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội.

2. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS phải có các nội dung cơ bản sau:

- Số lượng thành viên BKS miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm;

- Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung;

- Điều kiện để trở thành thành viên BKS;

- Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên BKS;

- Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia thành viên BKS;
- Biểu mẫu ứng cử, đề cử ứng cử nếu tham BKS và thời hạn gửi hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia BKS.

Điều 37. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Tổng Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Tổng Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tổng Công ty và cổ đông.
2. Trưởng BKS có nhiệm vụ lập kế hoạch của BKS phù hợp với các nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện việc kiểm tra thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm; có trách nhiệm báo cáo hoạt động của BKS trước ĐHĐCĐ.
3. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 55, 56 Điều lệ Tổng Công ty, Điều 170, Điều 171, Điều 173 Luật doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
4. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần/năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
5. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.
5. Ban kiểm soát có quyền tham dự, phát biểu, thảo luận tại các cuộc họp của HĐQT nhưng không được biểu quyết.

Điều 38. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc HĐQT để hỗ trợ các hoạt động của HĐQT bao gồm tiểu ban về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, và bất kỳ lĩnh vực nào khác tại từng thời điểm.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ yêu cầu thực tế của công việc và có tối thiểu 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên .
2. HĐQT quyết định chức năng, nhiệm vụ của tiểu ban và phê duyệt quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên trên cơ sở đề xuất của Trưởng tiểu ban. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
3. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

4 Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Điều 39. Nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Thành viên của Tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách.
2. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Việc lựa chọn thành viên bên ngoài phải đảm bảo nguyên tắc số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban.

Điều 40. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng Công Ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công Ty.
3. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công Ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công Ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.

CHƯƠNG 6.

**LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 41. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công Ty theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế, quy định Công Ty;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Ký kết các giao dịch, hợp đồng theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 42. Các tiêu chuẩn lựa chọn, bổ nhiệm Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty.

- 1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 64 Luật doanh nghiệp.
- 2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thẩm quyền được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Tổng Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu do Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT quy định. Cán bộ quản lý phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. HĐQT/Chủ tịch HĐQT sẽ quy định các tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Tổng Công ty ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này của Tổng Công ty tại từng thời điểm để phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của Tổng Công ty.

Điều 43. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc và người quản lý Tổng Công Ty

1. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm TGD; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD và bổ nhiệm TGD mới khi được đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng lao động với người điều hành khác của Tổng Công ty theo thẩm quyền của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 44. Các trường hợp cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công Ty

1. Tổng Giám đốc Tổng Công ty bị cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc các trường hợp theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 45. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Tổng Công ty phải thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong nội bộ Tổng Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 7.

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty các văn bản pháp luật liên quan.

. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 46. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Tổng Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều 61 Điều lệ Tổng Công ty gồm:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những người liên quan của họ;
- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

3. . Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, Công ty con, Công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

CHƯƠNG 8.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Điều 47. Thủ tục, trình tự triệu tập họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

1. Ban Tổng Giám đốc tổ chức họp định kỳ hoặc bất thường theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
2. Trong trường hợp cần có sự tham gia họp của HĐQT và BKS, Tổng Giám đốc gửi Giấy mời họp tới Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban BKS để mời tham gia các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc nhằm đưa ra quyết định, giải pháp giải quyết các vướng mắc của Ban Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT chủ động phân công các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết để đảm bảo công tác quản lý, giám sát hoạt động của HĐQT Tổng Công ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát chủ động phân công các thành viên BKS tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết để đảm bảo công tác quản lý, giám sát hoạt động của BKS Tổng Công ty.
5. Cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc được ghi biên bản (nếu cần thiết), lưu trữ biên bản họp cùng các tài liệu liên quan theo quy định của Tổng Công ty.
6. Kết thúc cuộc họp, Tổng Giám đốc gửi biên bản cuộc họp tới các cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện, gửi Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, BKS tham gia họp để báo cáo.

Điều 48. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc.

Tất cả nghị quyết và biên bản của các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông sẽ được chuyển bản sao đến cho Ban Kiểm soát. Tổng Giám đốc (đối với các nội dung liên quan) trong vòng tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày họp HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

Điều 49. Các trường hợp Tổng giám đốc và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi Tổng Giám đốc và đa số thành viên Ban Kiểm soát đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị. Các vấn đề cần xin ý kiến phải thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, nếu thấy không cần thiết phải tiến hành họp, Hội đồng quản trị phải có văn bản trả lời, phân tích rõ lý do từ chối.
2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 50. Chế độ báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT, BKS Tổng Công ty.

1. Tổng Giám đốc phải báo cáo thường xuyên và kịp thời việc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc phân công, ủy quyền của HĐQT/Chủ tịch HĐQT cho Tổng Giám đốc, gửi cho BKS nếu cần thiết hoặc theo yêu cầu của BKS. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Tổng Công ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh.

2. Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Tổng Công ty và các phương án hoạt động, khắc phục thua lỗ, kém hiệu quả; cơ cấu tổ chức Tổng Công ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lao động của Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ Tổng Công ty của Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Tổng Công ty thì Tổng Giám đốc phải chủ động mời Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 51. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:

a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện dự án đầu tư, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

c. Tổng Giám đốc điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

d. Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ, quy chế, quy định và (hoặc) phân cấp/thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:

a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

b. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 52. Phối hợp công việc của Tổng Giám đốc và BKS Tổng Công ty.

1. BKS triển khai thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo định kỳ hoặc đột xuất tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

2. Trưởng BKS thông báo Tổng Giám đốc về kế hoạch kiểm tra, nội dung kiểm tra và các yêu cầu có liên quan đối với mỗi đợt kiểm tra và gửi thông báo để HĐQT biết thông tin.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tuân thủ và tạo điều kiện cho hoạt động của các thành viên BKS. Tổng Giám đốc phải chỉ đạo các cá nhân, phòng/ban/đơn vị trực thuộc Tổng Công ty bố trí thời gian, nhân sự và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của BKS.
4. Trong quá trình kiểm tra, Tổng Giám đốc và các phòng/ban/đơn vị trực thuộc Tổng Công ty phải cung cấp hồ sơ, giải trình các nội dung theo yêu cầu của BKS. BKS có nghĩa vụ đảm bảo hoạt động kiểm tra không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.
5. Kết thúc mỗi đợt kiểm tra, BKS lập biên bản kiểm tra và có kết luận về kết quả kiểm tra gửi Tổng Giám đốc, HĐQT để biết thông tin.
6. Căn cứ kết quả kiểm tra, BKS ban hành các quyết định, chỉ thị theo thẩm quyền phù hợp với quy định tại Điều lệ Tổng Công ty để Tổng Giám đốc triển khai các công việc liên quan nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho Tổng Công ty. Các văn bản này được gửi cho HĐQT để nắm thông tin và triển khai chỉ đạo, giám sát thực hiện nếu cần thiết.

CHƯƠNG 9.

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TGD VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Tổng Công ty và cổ đông.

Điều 54. Đánh giá hàng năm đối với thành viên HĐQT.

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên HĐQT đối với Tổng Công ty trên cơ sở các công việc được Chủ tịch HĐQT giao, phân công, ủy quyền thực hiện trong năm.
2. Chủ tịch HĐQT quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên HĐQT theo thẩm quyền phù hợp với quy định của Tổng Công ty.
3. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Điều 55. Đánh giá hàng năm đối với thành viên BKS

1. Trưởng Ban Kiểm soát quyết định việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên BKS đối với Tổng Công ty trên cơ sở các công việc được Trưởng BKS giao, phân công, ủy quyền thực hiện trong năm.
2. Trưởng BKS quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên BKS theo thẩm quyền phù hợp với quy định của Tổng Công ty.

3. Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.

Điều 56. Đánh giá hàng năm đối với Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty.

1. Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Tổng Công ty thực hiện đánh giá hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo quy định của Tổng Công ty.
2. Chủ tịch HĐQT phê duyệt kết quả đánh giá của Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Tổng Công ty theo thẩm quyền quyết định tại Điều lệ Tổng Công ty và quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với TGD, người quản lý khác của Tổng Công ty trên cơ sở kết quả kinh doanh đạt được, mức độ hoàn thành kế hoạch ngân sách năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và báo cáo đánh giá của BKS về kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG 10.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty không được trái với quy định của pháp luật về Điều lệ Tổng Công ty.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được quy định trong Quy chế này hoặc trường hợp pháp luật có quy định mới khác với quy định tại Quy chế thì áp dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Hiệu lực

Quy chế sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất này gồm 10 chương, 58 điều được ĐHĐCĐ Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần thông qua ngày ... thángnăm 2021.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

NGUYỄN THÁI DŨNG



PHỤ LỤC

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

(Đính kèm Tờ trình số 13/2021/TT-HĐQT ngày 16/04/2021 của HĐQT Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần)

* Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung đã sắp xếp lại thứ tự, vị trí các điều khoản và điều chỉnh lại cấu trúc cho phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và áp dụng theo Quy chế quản trị nội bộ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn áp dụng một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.	Bổ sung đối tượng áp dụng
2.	Điều 2. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.	Điều 2. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: d) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; e) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; g) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Tổng Công Ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm; i) Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Bổ sung thêm phần giải thích các thuật ngữ trong Quy chế này và cập nhật định nghĩa phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
3.	Không quy định	Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ	Bổ sung theo quy định

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		đồng. 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổng công ty; đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội	Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		đồng quản trị, Ban kiểm soát; m) Phê duyệt danh sách Tổng công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Tổng công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, báo miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.	
4.		Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công Ty và theo quy định của pháp luật. 2. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường của Công Ty và ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ.	Bổ sung phù hợp quy định Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
5.	Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng thư hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư); đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.	Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư); đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.	Sửa đổi phù hợp với Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020
6.	Không có quy định	Điều 9. Điều kiện tiến hành họp và hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông. a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến	Bổ sung phù hợp với Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
7.	Điều.....Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. 2. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định Điều 32, 33 Điều lệ Tổng Công ty. Điều 10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết 3. Các cách thức bỏ phiếu biểu quyết - Biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giờ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giờ hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giờ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tân thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề hoặc giờ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tân thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tân thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ. - Biểu quyết bằng hình thức thu Thẻ biểu quyết (trong trường hợp	Bổ sung khoản 3 về các cách thức bỏ phiếu biểu quyết.

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		sử dụng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông): Cổ đông điền vào Thẻ biểu quyết, đối với từng nội dung cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu. - Bỏ phiếu điện tử: được thực hiện theo quy định tại Quy định bỏ phiếu điện tử tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (nếu có).	
8.	Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu thấy cần thiết) và có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.	Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu thấy cần thiết) và có các nội dung chủ yếu sau đây: i) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020
9.	<i>Không quy định</i>	Điều 17. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác 1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác. 2. Trình tự, thủ tục họp họp Đại hội đồng cổ đông bằng một trong các hình thức trên được thực hiện theo quy chế tổ chức họp tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông đó.	
10.	<i>Không quy định</i>	Điều 18. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, Quy chế Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trả lãi phiếu của Công Ty; đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;	Bổ sung phù hợp Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổng Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập Công Ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thù	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty; q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.	
11.	<i>Không quy định</i>	Điều 19. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
12.	Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Điều lệ Tổng Công ty và theo quy định pháp luật. 2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Tổng công ty. 2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	Bổ sung thêm quy định về bầu bổ sung thành viên HĐQT

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại thấp hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện. b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	
13.	Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công Ty có quy định khác.	Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước 21 (hai mươi mốt) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công Ty có quy định khác.	Sửa đổi khoản 1 phù hợp với thời hạn gửi thông báo mời họp cho cổ đông theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020
14.	Điều 22. Cách thức biểu quyết và thông qua Quyết định của Hội đồng quản trị Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này	Điều 40. Cách thức biểu quyết 1. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. 6. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu	Bổ sung khoản 1, khoản 6 phù hợp quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	
15.	Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị 1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh (nếu cần thiết) phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc có chữ ký của Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp và Thư ký ghi biên bản. Các nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.	Điều 29. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị 1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh (nếu cần thiết) phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp và Thư ký ghi biên bản. Trong trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ Tổng Công ty thì biên bản này có hiệu lực. Các nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020.
16.	<i>Không quy định</i>	Điều 31. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên 1. Vai trò của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. 2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty. b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. c) Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng	Bổ sung phù hợp Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		giám đốc và cổ đông. đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc. i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty. j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công Ty. 3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 55 Điều lệ Tổng Công ty. 4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp và Điều 56 Luật Doanh nghiệp.	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Cần cú sửa đổi, bổ sung
17.	Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên. 1. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp DHDCE, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội.	Điều 36. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 1. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước hai mươi mốt (21) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp DHDCE, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội.	Sửa đổi khoản 1 phù hợp với quy định về thông báo mời họp theo quy định Luật Doanh nghiệp 2020.
18.	Không quy định	Điều 40. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty 1. Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng Công Ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. 2. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công Ty. 3. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau: a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công Ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù	Bổ sung theo quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		hợp với quy định của pháp luật; e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát; g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công Ty;	
19.	<i>Không quy định</i>	Điều 41. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao 2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc: a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công Ty theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế, quy định Công Ty; b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty; đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT; e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động	Bổ sung theo quy định điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020 và thực tế tại Tổng Công ty.

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; g) Tuyền dụng lao động; h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i) Ký kết các giao dịch, hợp đồng theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị. j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty. 3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty. 4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.	
20.	Điều 38. Giao dịch với người có liên quan	Điều 46. Giao dịch với người có liên quan 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, Công ty con, Công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp	Bổ sung thêm quy định này để phù hợp với quy định tại Điều..Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
21.	Chưa quy định	Điều 51. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị: a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định; b. Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện dự án đầu tư, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị c. Tổng Giám đốc điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. d. Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ, quy chế, quy định và (hoặc) phân cấp/thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc. 2. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát: a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban	Đề nghị sửa theo mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty. b. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.	
22.	Chưa có quy định	Điều 53. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác 1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác. 2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Tổng Công ty và cổ đông.	
23.	Điều 49. Hiệu lực Quy chế này gồm 10 chương 49 điều được DHHCD Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2019.	Điều 58. Hiệu lực thi hành Quy chế sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất này gồm 10 chương, 58 điều được DHHCD Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần thông qua ngày ... thángnăm 2021.	Sửa đổi để cập nhật các chương, điều của Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... *10* 2021/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty");
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("HDQT") số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 20/03/2021 về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCD") thường niên năm 2021;

Để phản ánh và cập nhập những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty, Hội đồng quản trị đã xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty, HDQT kính trình ĐHĐCD thường niên năm 2021 của Tổng Công ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCD thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty (Dự thảo đính kèm).
- ĐHĐCD ủy quyền cho HDQT Tổng Công ty tiếp tục hoàn thiện và ban hành Quy chế hoạt động của HDQT Tổng Công ty.

Kính trình ĐHĐCD xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- HDQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÁI DÙNG

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Tổng Công ty áp dụng đối với Tổng Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty cổ phần ("Tổng Công ty");

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày ... tháng ... năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty cổ phần

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty và toàn thể cán bộ nhân viên Tổng Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty,.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng Công ty, Công ty con, Công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của đơn vị trong Tổng Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên HĐQT tại từng thời

kỳ. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi có ủy quyền hoặc khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty .
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh: Ban Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách Kế toán của Chi nhánh/Nhà máy/Trung tâm; Trưởng/Phó Phòng/Ban/đơn vị trong Tổng Công ty và người quản lý khác theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.
- f) Quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty , trừ những hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty ;

g) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty .

h) Bất kỳ vấn đề nào khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần thiết phải quyết định vì lợi ích của Tổng Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp.

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Phó Chủ tịch vắng mặt và không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm ít nhất 01 người làm Thư ký Tổng Công ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Thư ký Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng Công ty ;

d) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Tổng Công ty Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ, cụ thể như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện theo quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho Tổng Công ty biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên

c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và/hoặc các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế của Tổng Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết

thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Tổng Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty ;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty ;
 - g) Tổng Công ty có trách nhiệm công bố Thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty , trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty ;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty ;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổng Công

ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi, bổ sung của Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Hình thức họp cụ thể do Chủ tịch HĐQT quyết định phù hợp với tình hình thực tế. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng Công ty gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên không tán thành nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất Tổng Công ty giữa Tổng Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và bất kỳ lĩnh vực nào khác của Tổng Công ty tại từng thời điểm. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu

tập hợp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty ; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty .

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức liên lạc điện thoại.

10. Hình thức cuộc họp được quy định cụ thể tại Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - g) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - h) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - i) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - k) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty ;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng Công ty ;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty .

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty .

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Tổng Công ty Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải kê khai cho Tổng Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

2. Tổng Giám đốc phải báo cáo thường xuyên và kịp thời việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị /Chủ tịch Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc, gửi cho Ban kiểm soát nếu cần thiết hoặc theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Tổng Công ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh.

3. Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Tổng Công ty và các phương án hoạt động, khắc phục thua lỗ, kém hiệu quả; cơ cấu tổ chức Tổng Công ty.
4. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ Tổng Công ty của Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Tổng Công ty thì Tổng Giám đốc phải chủ động mời Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

- 1.. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
3. Tất cả nghị quyết và biên bản của các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông sẽ được chuyển bản sao đến cho Ban Kiểm soát trong vòng tối đa năm (07) ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty cổ phần bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: 02/2021/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2021



TỜ TRÌNH

(V/v: thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP ("Tổng Công ty");
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 20/03/2021 về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2021;

Để phản ánh và cập nhập những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty, Ban kiểm soát đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Tổng Công ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty (Dự thảo đính kèm).

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Ban kiểm soát Tổng Công ty tiếp tục hoàn thiện và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN HỒNG HẢI

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

Dự Thảo



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Tổng công ty áp dụng đối với Tổng công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

- d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- c) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Điều 23 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 53 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

IN-0
T
THU
C
AN

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Tổng công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

001
NG C
IG M
GTY C
IEM -

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
- 2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mỗi quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mỗi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 22. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN HỒNG HẢI

